

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH/ NGHỀ:** Nhân viên Y tế Thôn bản

**MÃ NGÀNH/ NGHỀ:**

**TRÌNH ĐỘ:** Sơ cấp

*(Ban hành theo Quyết định số 221/QĐ-ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc)*

Vĩnh Phúc, năm 2024

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 221/QĐ-ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc)

**Tên ngành, nghề:** Nhân viên y tế thôn bản

**Trình độ đào tạo:** Sơ cấp

**Đối tượng tuyển sinh:** Người học từ đủ 15 tuổi, đã tốt nghiệp trung học cơ sở

**Thời gian đào tạo:** 3 tháng.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

- Cung cấp và trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chăm sóc sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

- Trách nhiệm của người học về việc thực hiện nhiệm vụ và tham gia các chương trình y tế tại địa phương theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

\* *Kiến thức:*

1. Nêu được cấu tạo và chức năng sinh lý của con người.
2. Liệt kê được các dấu hiệu nhận biết và cách xử trí chăm sóc một số bệnh thông thường, một số tình huống gặp nạn tại cộng đồng.
3. Trình bày các dấu hiệu nhận biết xử trí chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em.
4. Mô tả được chức năng, nhiệm vụ, kỹ thuật, nội dung chuyên môn được thực hiện tại y tế thôn, bản.
5. Trình bày được kỹ năng giao tiếp, tư vấn và truyền thông giáo dục sức khỏe

\* *Kỹ năng:*

1. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc cơ bản và sơ cấp cứu ban đầu.
2. Vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch.
3. Vận động nhân dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình có hiệu quả.
4. Vận động nhân dân trồng và sử dụng thuốc nam tại gia đình để tự phòng và chữa một số chứng, bệnh thông thường.
5. Tham gia quản lý, sàng lọc, tư vấn, hướng dẫn chăm sóc một số bệnh thông thường tại địa phương.

\* *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

1. Có lòng yêu nghề, có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, bình tĩnh, tự tin trong công việc của mình, luôn tôn trọng người bệnh trong quá trình xử trí và chăm sóc sức khỏe ban đầu
2. Thực hiện độc lập và phối hợp tốt với trường học, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở địa phương tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

#### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo sơ cấp, người học có thể đảm nhiệm vị trí công việc là thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phòng chống, bảo vệ, chăm sóc

các bệnh tật thông thường để nâng cao sức khỏe cho nhân dân tại thôn, bản được phân công phụ trách.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

### 2.1. Tổng số giờ toàn khóa học: 435 giờ (15 tín chỉ)

- Thời gian học lý thuyết và kiểm tra định kỳ: 92 giờ (20.9%);
- Thời gian thực hành
- Thi, kiểm tra: 343 giờ (78,9%)

### 2.2. Thời gian khóa học: 03 tháng

- Học lý thuyết và thực hành tại trường: 09 tuần
- Học lý thuyết và thực hành tại cộng đồng: 01 tuần
- Thực tập tại trung tâm y tế: 02 tuần

## 3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	TÊN MH/MĐ	Tín chỉ	SỐ GIỜ			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm /thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>MĐ 01</b>	Giải phẫu - Sinh lý	<b>1</b>	<b>30</b>	8	18	4
<b>MĐ 02</b>	Sơ cấp cứu ban đầu và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh	<b>2</b>	<b>45</b>	15	26	4
<b>MĐ 03</b>	Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	<b>1</b>	<b>30</b>	8	20	2
<b>MĐ 04</b>	Vệ sinh phòng bệnh	<b>1</b>	<b>30</b>	8	20	2
<b>MĐ 05</b>	Chăm sóc một số bệnh thường gặp	<b>2</b>	<b>45</b>	15	28	2
<b>MĐ 06</b>	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em và KHHGD	<b>2</b>	<b>45</b>	15	28	2
<b>MĐ 07</b>	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	<b>1</b>	<b>30</b>	8	20	2
<b>MĐ 08</b>	Chương trình y tế và quản lý y tế thôn bản	<b>2</b>	<b>45</b>	15	26	4
<b>MĐ 09</b>	Thực tập cộng đồng	<b>1</b>	<b>45</b>	0	41	4
<b>MĐ 10</b>	Thực hành tại bệnh viện	<b>2</b>	<b>90</b>	0	86	4
	<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>435</b>	<b>92</b>	<b>312</b>	<b>31</b>

## 4. Tổ chức lớp học và địa điểm đào tạo

### 4.1. Tổ chức lớp

Thực hiện theo Thông tư số 5830/VBHN-BLĐTĐTBXH, ngày 31 tháng 12 năm 2019 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

Thực hiện theo quy định của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

### 4.2. Địa điểm đào tạo

- Tại trường Cao đẳng Vĩnh Phúc
- Tại cơ sở y tế có đủ các điều kiện để dạy và học theo qui định.

## 5. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ; kiểm tra kết thúc mô-đun; xét công nhận tốt nghiệp.

- Theo Thông tư số 5830/VBHN-BLĐTĐBXH, ngày 31 tháng 12 năm 2019 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.
- Quy chế đào tạo của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC**  
**NGÀNH/ NGHỀ Y TẾ THÔN BẢN – TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**  
(Ban hành theo Quyết định số 221/QĐ-ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc)

**1. Tên mô-đun: GIẢI PHẪU SINH LÝ**

**Mã mô-đun: MĐ01**

**Thời gian thực hiện mô-đun:** 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 18 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của mô-đun**

- **Vị trí:** Giải phẫu sinh lý là mô-đun đầu tiên trong chương trình đào tạo Nhân viên y tế thôn, bản trình độ sơ cấp. Mô-đun thuộc phần các kiến thức cơ sở làm nền tảng cho học viên tiếp thu các kiến thức chuyên ngành, các mô-đun tiếp theo của chương trình đào tạo.

- **Tính chất:** Mô-đun nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu và các chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận của cơ thể con người.

**II. Mục tiêu mô-đun**

**\* Kiến thức**

Mô tả được những đặc điểm giải phẫu, chức năng sinh lý cơ bản nhất về hệ thống của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người.

**\* Kỹ năng**

Vận dụng được kiến thức của giải phẫu sinh lý vào thực tiễn lâm sàng trong việc xử trí, theo dõi, chăm sóc một số bệnh thường gặp tại cộng đồng.

**\* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Thể hiện được thái độ nghiêm túc, cẩn thận khi thực hành, có tinh thần làm việc nhóm và ý thức bảo quản mô hình, dụng cụ học tập.

**III. Nội dung mô-đun**

**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

STT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1. Hệ xương</b> 1. Lý thuyết 1.1. Xương vùng đầu mặt 1.2. Xương vùng thân mình 1.3. Xương chi trên 1.4. Xương chi dưới 2. Thực hành 2.1. Bộ xương trục 2.2. Bộ xương treo	4	1	3	0
2	<b>Bài 2. Hệ thần kinh</b>	2	1	1	0

	1. Lý thuyết 1.1. Giải phẫu hệ thần kinh 1.2. Sinh lý hệ thần kinh 2. Thực hành 2.1. Hệ thần kinh trung ương 2.2. Hệ thần kinh ngoại biên				
3	<b>Bài 3. Hệ tuần hoàn</b> 1. Lý thuyết 1.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn 1.2. Sinh lý hệ tuần hoàn 2. Thực hành 2.1. Tim 2.2. Động mạch 2.3. Tĩnh mạch	2	1	1	0
4	<b>Bài 4. Sinh lý máu</b> 1. Lý thuyết 1.1. Chức năng của máu 1.2. Hồng cầu 1.3. Nhóm máu và truyền máu 1.4. Bạch cầu 1.5. Tiểu cầu 2. Thực hành 2.1. Nhận định kết quả xét nghiệm công thức máu 2.2. Xác định nhóm máu hệ ABO	2	1	1	0
5	<b>Bài 5. Hệ hô hấp</b> 1. Lý thuyết 1.1. Giải phẫu hệ hô hấp 1.2. Sinh lý hệ hô hấp 2. Thực hành 2.1. Đường dẫn khí 2.2. Phổi	4	1	3	0
6	<b>Bài 6. Hệ tiêu hóa</b> 1. Lý thuyết 1.1. Giải phẫu hệ tiêu hóa 1.2. Sinh lý hệ tiêu hóa 2. Thực hành 2.1. Ống tiêu hoá 2.2. Tuyến tiêu hoá	4	1	3	0
7	<b>Bài 7. Hệ tiết niệu</b> 1. Lý thuyết 1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu	4	1	3	0

	1.2. Sinh lý hệ tiết niệu 2. Thực hành 2.1. Thận 2.2. Niệu quản 2.3. Bàng quang 2.4. Niệu đạo				
8	<b>Bài 8. Hệ sinh dục</b> 1. Lý thuyết 1.1. Giải phẫu hệ sinh dục 1.2. Sinh lý hệ sinh dục 2. Thực hành 2.1. Cơ quan sinh dục nam 2.2. Cơ quan sinh dục nữ	4	1	3	0
9	Kiểm tra định kỳ	4	0	0	4
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>8</b>	<b>18</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1. Hệ xương

Thời gian : 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành

#### \* Mục tiêu

1. Mô tả được các loại xương và xác định đúng tên các vị trí của xương.
2. Trình bày được cấu trúc và chức năng của xương.

#### \* Nội dung

##### 1. Lý thuyết

##### 1.1 Xương vùng đầu mặt

##### 1.2. Xương vùng thân mình

##### 1.3. Xương chi trên

##### 1.4. Xương chi dưới

##### 2. Thực hành

##### 2.1. Bộ xương trục

##### 2.1.1. Xương sọ

- Mô hình xương sọ

- Tranh vẽ và mô hình bộ xương toàn bộ

##### 2.1.2. Xương cột sống

- Mô hình bộ xương toàn bộ

- Mô hình đốt sống tháo rời

- Tranh vẽ và mô hình bộ xương toàn bộ

##### 2.1.3. Xương lồng ngực

- Mô hình bộ xương toàn bộ

- Mô hình xương sườn tháo rời

- Tranh vẽ và mô hình bộ xương toàn bộ

##### 2.2. Bộ xương treo

##### 2.2.1 Xương chi trên

- Mô hình xương đòn, xương bả vai, xương cánh tay, xương trụ, xương quay, xương cổ tay, xương đốt bàn tay và đốt ngón tay
- Tranh vẽ và mô hình bộ xương toàn bộ

### 2.2.2. Xương chi dưới

- Mô hình xương chày, xương đùi, xương chày và xương mác, xương cổ chân xương đốt bàn chân và đốt ngón chân
- Tranh vẽ và mô hình bộ xương toàn bộ

**Bài 2. Hệ thần kinh** Thời gian: 01 giờ lý thuyết; 01 giờ thực hành

#### \* Mục tiêu

1. Mô tả được hình thể ngoài, hình thể trong các thành phần của hệ thần kinh.
2. Trình bày được chức năng của các thành phần của hệ thần kinh.

#### \* Nội dung

1. Lý thuyết
  - 1.1. Giải phẫu hệ thần kinh
    - 1.1.1. Đại cương
    - 1.1.2. Hệ thần kinh trung ương
    - 1.1.3. Hệ thần kinh ngoại vi
  - 1.2. Sinh lý hệ thần kinh
    - 1.2.1. Chức năng của hệ thần kinh trung ương
    - 1.2.2. Chức năng cảm giác của hệ thần kinh
    - 1.2.3. Chức năng vận động của hệ thần kinh
    - 1.2.4. Sinh lý hệ thần kinh thực vật
2. Thực hành
  - 2.1. Hệ thần kinh trung ương
    - Mô hình tủy sống trong ống sống
    - Mô hình tủy sống cắt ngang
    - Mô hình bộ não tháo lắp
  - 2.2. Hệ thần kinh ngoại biên
    - Tranh vẽ hệ thần kinh ngoại vi

**Bài 3. Hệ tuần hoàn** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành).

#### \* Mục tiêu

1. Mô tả được vị trí, chức năng, hình thể và liên quan của tim.
2. Mô tả được hệ thống mạch máu từ tim cung cấp máu trong cơ thể.
3. Trình bày được chu kỳ hoạt động của tim.
4. Trình bày được các loại huyết áp động mạch.

#### \* Nội dung

1. Lý thuyết
  - 1.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn
    - 1.1.1. Đại cương hệ tuần hoàn
    - 1.1.2. Tim
    - 1.1.3. Tuần hoàn hệ thống
    - 1.1.4. Tuần hoàn phổi



### 1.1.5. Hệ bạch huyết

## 1.2. Sinh lý hệ tuần hoàn

### 1.2.1. Sinh lý tim

### 1.2.2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

### 1.2.3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

## 2. Thực hành

### 2.1. Tim

- Mô hình tim tháo lắp
- Mô hình bán thân tháo lắp
- Tranh vẽ các mặt của tim và buồng tim
- Mô hình nghe tim phổi
- Đánh giá kết quả ghi điện tâm đồ bình thường

### 2.2. Động mạch

- Mô hình bán thân tháo lắp
- Mô hình ổ bụng
- Tranh vẽ mạch máu toàn thân
- Đánh giá trị số huyết áp: máy đo huyết áp điện tử cổ tay

### 2.3. Tĩnh mạch

- Mô hình bán thân tháo lắp
- Mô hình ổ bụng
- Tranh vẽ mạch máu toàn thân

## **Bài 4. Sinh lý máu** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết; 01 giờ thực hành)

### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được chức năng của máu.
2. Trình bày được số lượng bình thường, chức năng của hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.
3. Mô tả được các giai đoạn của quá trình cầm máu.
4. Nhận định được kết quả công thức máu và xác định nhóm máu hệ ABO.

### **\* Nội dung**

#### 1. Lý thuyết

- 1.1. Chức năng của máu
- 1.2. Hồng cầu
- 1.3. Nhóm máu và truyền máu
- 1.4. Bạch cầu
- 1.5. Tiểu cầu

#### 2. Thực hành

- 2.1. Nhận định kết quả xét nghiệm công thức máu
- 2.2. Xác định nhóm máu hệ ABO

## **Bài 5. Hệ hô hấp** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết; 03 giờ thực hành)

### **\* Mục tiêu**

1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của mũi, họng, thanh quản, khí quản, các phế quản và phổi.
2. Trình bày được chức năng thông khí ở phổi.

3. Trình bày được quá trình vận chuyển khí của máu và cơ chế điều hoà hô hấp.

**\* Nội dung**

1. Lý thuyết

1.1. Giải phẫu hệ hô hấp

1.1.1. Mũi

1.1.2. Họng

1.1.3. Thanh quản

1.1.4. Khí quản

1.1.5. Phổi

2.2. Sinh lý hệ hô hấp

2.2.1. Chức năng của đường dẫn khí

2.2.2. Chức năng thông khí của phổi

2.2.3. Chức năng vận chuyển khí của máu

2.2.4. Điều hoà hô hấp

2. Thực hành

2.1. Đường dẫn khí

- Mô hình và tranh thiết diện cắt dọc qua hầu, mô hình thanh quản tháo lắp, mô hình khí quản, phế quản

2.2. Phổi

- Mô hình phổi tháo lắp

- Mô hình bán thân tháo lắp

- Mô hình nghe tim phổi

- Đánh giá kết quả ghi đo chức năng hô hấp bình thường

**Bài 6. Hệ tiêu hóa**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết; 03 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và liên quan của các thành phần thuộc hệ tiêu hoá.

2. Trình bày được quá trình tiêu hóa và hấp thu ở các đoạn ống tiêu hoá.

3. Trình bày được các chức năng của gan.

**\* Nội dung**

1. Lý thuyết

1.1. Giải phẫu hệ tiêu hóa

1.1.1. Đại cương

1.1.2. Miệng

1.1.3. Thực quản

1.1.4. Dạ dày

1.1.5. Ruột non và các tuyến tiêu hóa lớn đổ vào ruột non

1.1.6. Ruột già

1.2. Sinh lý hệ tiêu hóa

1.2.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản

1.2.2. Tiêu hóa ở dạ dày

1.2.3. Tiêu hóa ở ruột non

1.2.4. Tiêu hóa ở ruột già

1.2.5. Hấp thu các chất trong ống tiêu hóa

1.2.6. Chức năng của gan

2. Thực hành

2.1. Ống tiêu hoá

- Mô hình bảng ống tiêu hóa
- Mô hình bán thân tháo lắp
- Tranh vẽ hệ tiêu hóa
- Mô hình dạ dày
- Mô hình khối ruột

2.2. Tuyến tiêu hoá

- Mô hình bán thân tháo lắp
- Mô hình gan ngoài
- Mô hình khối tá tụy

### **Bài 7. Hệ tiết niệu**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết; 03 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và liên quan của các thành phần thuộc hệ tiết niệu: thận, niệu quản, bàng quang và niệu đạo.
2. Trình bày được các chức năng của thận.

#### **\* Nội dung**

1. Lý thuyết

1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu

1.1.1. Thận

1.1.2. Niệu quản

1.1.3. Bàng quang

1.1.4. Niệu đạo

1.2. Sinh lý hệ tiết niệu

1.2.1. Chức năng của thận

1.2.2. Quá trình lọc ở cầu thận

1.2.3. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống thận

1.2.4. Đường dẫn niệu và động tác tiểu tiện

2. Thực hành

2.1. Thận

- Mô hình thận nhỏ
- Mô hình thận bỏ dọc

2.2. Niệu quản

- Mô hình bán thân tháo lắp
- Mô hình ổ bụng

2.3. Bàng quang

- Mô hình bàng quang nhỏ
- Mô hình chậu hông nam
- Mô hình chậu hông nữ

2.4. Niệu đạo

- Mô hình cắt dọc chậu hông nam
- Mô hình cắt dọc chậu hông nữ
- Tranh vẽ cắt dọc chậu hông nam, nữ

### **Bài 8. Hệ sinh dục**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và liên quan của các bộ phận hệ sinh dục.
2. Trình bày được chức năng của buồng trứng và của tinh hoàn.

#### **\* Nội dung**

1. Lý thuyết
  - 1.1. Giải phẫu hệ sinh dục
    - 1.1.1. Cơ quan sinh dục nam
    - 1.1.2. Cơ quan sinh dục nữ
  - 1.2. Sinh lý hệ sinh dục
    - 1.2.1. Sinh lý sinh sản nam
    - 1.2.2. Sinh lý sinh sản nữ
2. Thực hành
  - 2.1. Cơ quan sinh dục nam
    - Mô hình cắt dọc chậu hông nam
    - Mô hình cắt dọc chậu hông nữ
    - Tranh vẽ hệ sinh dục nam
  - 2.2. Cơ quan sinh dục nữ
    - Mô hình cắt dọc chậu hông nam
    - Mô hình cắt dọc chậu hông nữ
    - Tranh vẽ hệ sinh dục nữ
    - Xét nghiệm chẩn đoán có thai sớm

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

#### **1. Nội dung**

- \* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.
- \* *Về kỹ năng:* Vận dụng được kiến thức của giải phẫu sinh lý vào thực tiễn lâm sàng trong việc xử trí, theo dõi, chăm sóc một số bệnh thường gặp tại cộng đồng.
- \* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Thể hiện được thái độ nghiêm túc, cẩn thận khi thực hành, có tinh thần làm việc nhóm và ý thức bảo quản mô hình, dụng cụ học tập.

#### **2. Phương pháp:**

- \* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

- \* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành

- \* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi viết tự luận, hoặc trắc nghiệm
- Thời gian: 60 phút

\* Công thức tính điểm

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô-đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực.
- Thực hành: Phòng học thực hành của trường cao đẳng Vĩnh Phúc.

**3. Tài liệu tham khảo:**

1. Bài giảng giải phẫu học, Bộ môn giải phẫu Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học, 2012.
2. Giải phẫu người, Bộ môn giải phẫu – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học, 2011.
3. Sinh lý học, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học – 2011.
4. Atlas giải phẫu người.
5. Thực tập sinh lý học, Trường đại học Y Dược Thái Nguyên, Nhà xuất bản Y học – 2008.

## 2. Tên mô-đun: SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU VÀ CÁC KỸ THUẬT CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH

**Mã mô-đun: MĐ02**

**Thời gian thực hiện mô-đun:** 45 giờ. (*Lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 26 giờ; Kiểm tra: 04 giờ*)

### I. Vị trí tính chất mô-đun:

- **Vị trí:** Là môn-đun thứ 2 trong chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn bản
- **Tính chất:** Cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng xử trí sơ cấp cứu tại cộng đồng.

### II. Mục tiêu mô-đun

#### \* Kiến thức

- Mô tả được các chỉ số dấu hiệu sinh tồn.
- Trình bày được dấu hiệu của người bệnh ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn.
- Nêu được các nguyên tắc của xử trí vết thương phần mềm và gãy xương.

#### \* Kỹ năng

- Phát hiện được các dấu hiệu nguy hiểm tính mạng và thực hiện được các kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu cho người bệnh cấp cứu, người bị nạn.
- Đo được các dấu hiệu sinh tồn và xác định được chỉ số dấu hiệu sinh tồn bình thường, bất thường của người bệnh.

#### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Cấp cứu người bị nạn, khẩn trương, chính xác và có thái độ tôn trọng người bệnh khi cấp cứu.
- Phối hợp với gia đình người bệnh, cộng đồng, cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu của người dân tại cộng đồng.

### III. Nội dung mô-đun

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<b>Bài 1. Theo dõi dấu hiệu sinh tồn</b> 1.1. Mục đích 1.2. Chỉ định 1.3. Nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn 2. Huyết áp động mạch 2.1. Định nghĩa 2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp 2.3. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp 2.4. Quy trình kỹ thuật	8	3	5	

	<p>2.5.Theo dõi và chăm sóc người bệnh bất thường về HA động mạch</p> <p>3. Đếm mạch</p> <p>3.1.Tần số mạch bình thường ở các lứa tuổi</p> <p>3.2.Những yếu tố ảnh hưởng đến tần số mạch</p> <p>3.3. Tính chất của mạch</p> <p>3.4. Liên quan giữa mạch và nhiệt độ</p> <p>3.5. QTKT</p> <p>4. Nhiệt độ cơ thể</p> <p>4.1. Giới hạn bình thường nhiệt độ cơ thể</p> <p>4.2. Những yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến thân nhiệt của con người</p> <p>4.3. Các rối loạn thân nhiệt của cơ thể</p> <p>4.5. Theo dõi và chăm sóc người bệnh bất thường về nhiệt độ</p> <p>4.5. QTKT</p> <p>5. Nhịp thở</p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.2. Tần số thở bình thường của từng lứa tuổi</p> <p>5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến điều hòa hoạt động của trung tâm điều hoà hô hấp</p> <p>5.3. Những thay đổi về nhịp thở</p> <p>5.4. Theo dõi và chăm sóc người bệnh rối loạn nhịp thở</p> <p>5.5. QTKT</p>				
2	<p><b>Bài 2. Sơ cứu ngừng hô hấp ngừng tuần hoàn</b></p> <p>1. Cấp cứu người bị ngừng hô hấp (thở ngạt)</p> <p>1.1. Mục đích</p> <p>1.2. Nguyên nhân</p> <p>1.3. Các dấu hiệu của ngừng hô hấp</p> <p>1.4 Xử trí</p> <p>1.4.1. Phương châm</p> <p>1.4.2. Kỹ thuật kiểm tra hơi thở</p> <p>1.4.3. Khai thông đường thở</p> <p>1.4.4. QTKT</p>	4	1	3	

	<p>2. Cấp cứu người bị ngừng tuần hoàn (ép tim ngoài lồng ngực hay hỗ trợ tuần hoàn)</p> <p>2.1. Mục đích</p> <p>2.2. Xác định ngừng tim</p> <p>2.3. Xử trí (học tại phòng thực hành)</p> <p>3. Cấp cứu người ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn (kết hợp giữa ép tim và thổi ngạt)</p> <p>3.1. Mục đích</p> <p>3.2. QTKT</p>				
3	<p><b>Bài 3. Sơ cứu băng bó vết thương</b></p> <p>1. Tác dụng của băng bó</p> <p>2. Nguyên tắc chung khi băng bó</p> <p>3. Các loại băng thương dùng</p> <p>3.1. Băng cuộn</p> <p>3.2. Băng tam giác</p> <p>3.3. Băng có giải</p> <p>3.4. Băng dính</p> <p>4. Các kỹ thuật băng cơ bản (có 6 kiểu băng )</p> <p>5. Tiến hành băng bó vết thương đơn giản</p>	4	1	3	
4	<p><b>Bài 4. Sơ cứu vết thương phần mềm, cầm máu</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Sơ cứu vết thương phần mềm</p> <p>2.1. Vết thương phần mềm nhỏ, sạch</p> <p>2.2. Vết thương phần mềm lớn, giập nát, bẩn</p> <p>3. Sơ cứu vết thương, phân loại chảy máu và xử trí</p> <p>3.1. Mục đích và nguyên tắc cầm máu vết thương</p> <p>3.2. Phân loại chảy máu và xử trí</p> <p>3.2.1. Chảy máu mao mạch</p> <p>3.2.2. Chảy máu tĩnh mạch</p> <p>3.2.3. Chảy máu động mạch</p> <p>4. Nguyên tắc đặt garô (6 nguyên tắc)</p> <p>5. Kỹ thuật đặt ga rô</p>	4	1	3	
5	<p><b>Bài 5. Sơ cứu và cố định tạm thời gãy xương</b></p>				



	1. Đại cương 2. Mục đích 3. Các dấu hiệu chính của gãy xương 4. Nguyên nhân và các loại gãy xương 4.1. Nguyên nhân 4.2. Các loại gãy xương 4.2.1. Gãy xương kín 4.2.2. Gãy xương hở 5. Nguyên tắc (7 nguyên tắc) 6. Quy trình kỹ thuật	8	2	6	
6	<b>Bài 6. Sơ cấp cứu và xử trí ban đầu khi bị bỏng</b> 1.Đại cương 2. Nguyên nhân gây bỏng 3. Sơ cứu bỏng 4.Đề phòng bỏng	2	1	1	
7	<b>Bài 7. Sơ cứu say nắng, say nóng</b> 1. Đại cương 2. Say nắng 2.1. Định nghĩa 2.2. Các dấu hiệu của say nắng 2.3.Tiến triển 2.4. Xử trí chăm sóc 3. Say nóng 3.1. Định nghĩa 3.2. Các trường hợp say nóng 3.3. Các dấu hiệu của say nóng 3.4. Tiến triển 3.5. Xử trí	2	1	1	
8	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	0	0	0	4
9	<b>Bài 8. Sơ cứu ngộ độc</b> 1. Đại cương 2. Các dấu hiệu chính của ngộ độc thường gặp 3. Sơ cứu ban đầu ngộ độc thường gặp 3.1. Ngộ độc sắn 3.2. Ngộ độc do uống nhầm lẫn thuốc 3.3. Ngộ độc do hút, hít phải xăng dầu 3.4. Ngộ độc wofatox	2	1	1	
10	<b>Bài 9. Sơ cứu và xử trí ban đầu rắn cắn</b> 1. Đại cương				

	2. Dấu hiệu 2.1. Họ rấn hồ 2.2. Họ rấn lục 2.2.1. Tại chỗ 2.2.2. Toàn thân 3. Xử trí	1	1	0	
11	<b>Bài 10. Sơ cấp cứu đuối nước</b> 1. Đại cương 2. Dấu hiệu 3. Cấp cứu người bị đuối nước 3.1. Cấp cứu ngay ở dưới nước 3.2. Cấp cứu tại chỗ ngay khi vớt lên bờ	1	1	0	
12	<b>Bài 11. Sơ cấp cứu điện giật</b> 1. Đặc điểm 2. Dấu hiệu 3. Cấp cứu 4. Phòng điện giật	1	1	0	
13	<b>Bài 12. Vận chuyển người bệnh an toàn</b> 1. Nguyên tắc vận chuyển nạn nhân 2. Các cách vận chuyển nạn nhân 2.1. Vận chuyển không cáng 2.2. Vận chuyển có cáng 2.3. Nhấc nạn nhân lên cáng 2.4. Tư thế nạn nhân nằm cáng 2.5. Khiêng cáng	4	1	3	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>26</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 1. Theo dõi dấu hiệu sinh tồn** (Thời gian: 03 giờ lý thuyết, 05 giờ thực hành)

### \* Mục tiêu

1. Trình bày được mục đích, chỉ định, nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn.
2. Nêu được các chỉ số bình thường của các dấu hiệu sinh tồn.
3. Mô tả được các yếu tố ảnh hưởng đến dấu hiệu sinh tồn.
4. Thực hiện được đúng QTKT đo dấu hiệu sinh tồn.
5. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi thực hiện theo dõi dấu hiệu sinh tồn khẩn trương, chính xác.

### \* Nội dung

1. Đại cương
  - 1.1. Mục đích
  - 1.2. Chỉ định
  - 1.3. Nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn
2. Huyết áp động mạch

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp
- 2.3. Những thay đổi bệnh lý của huyết áp
- 2.4. QTKT
- 2.5. Theo dõi và chăm sóc người bệnh bất thường về HA động mạch
3. Đếm mạch
  - 3.1. Tần số mạch bình thường ở các lứa tuổi
  - 3.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến tần số mạch
  - 3.3. Tính chất của mạch
  - 3.4. Liên quan giữa mạch và nhiệt độ
  - 3.5. QTKT
4. Nhiệt độ cơ thể
  - 4.1. Giới hạn bình thường nhiệt độ cơ thể
  - 4.2. Những yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến thân nhiệt của con người
  - 4.3. Các rối loạn thân nhiệt của cơ thể
  - 4.5. Theo dõi và chăm sóc người bệnh bất thường về nhiệt độ
  - 4.5. QTKT
5. Nhịp thở
  - 5.1. Khái niệm
  - 5.2. Tần số thở bình thường của từng lứa tuổi
  - 5.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến điều hòa hoạt động của trung tâm điều hoà hô hấp
  - 5.3. Những thay đổi về nhịp thở
  - 5.4. Theo dõi và chăm sóc người bệnh rối loạn nhịp thở
  - 5.5. QTKT

## **Bài 2. Sơ cứu ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### **\* Mục tiêu**

1. Nhận biết được người bị ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn.
2. Thực hiện hồi sinh tim phổi nhanh chóng, đúng cách.
3. Tiến hành cấp cứu ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn đúng quy trình kỹ thuật.
4. Khẩn trương chính xác và thái độ tôn trọng người bệnh khi cấp cứu.

### **\* Nội dung**

1. Cấp cứu người bị ngừng hô hấp (thở ngạt)
  - 1.1. Mục đích
  - 1.2. Nguyên nhân
  - 1.3. Các dấu hiệu của ngừng hô hấp
  - 1.4. Xử trí
    - 1.4.1. Phương châm
    - 1.4.2. Kỹ thuật kiểm tra hơi thở
    - 1.4.3. Khai thông đường thở
    - 1.4.4. Kỹ thuật tiến hành hỗ trợ hô hấp
2. Cấp cứu người bị ngừng tuần hoàn (ép tim ngoài lồng ngực hay hỗ trợ tuần hoàn)

- 2.1. Mục đích
- 2.2. Xác định ngừng tim
- 2.3. Xử trí (học tại phòng thực hành)
3. Cấp cứu người ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn (kết hợp giữa ép tim và thổi ngạt)

3.1. Mục đích

3.2. QTKT

**Bài 3. Sơ cứu băng bó vết thương** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

1. Trình bày được tác dụng của băng bó vết thương.
2. Kể được 6 loại băng cơ bản.
3. Tiến hành băng bó vết thương đúng quy trình kỹ thuật.
4. Có thái độ tôn trọng, đúng mực khi thực hiện băng bó vết thương cho nạn nhân.

**\* Nội dung**

1. Tác dụng của băng bó
2. Nguyên tắc chung khi băng bó
3. Các loại băng thường dùng
  - 3.1. Băng cuộn
  - 3.2. Băng tam giác
  - 3.3. Băng có giải
  - 3.4. Băng dính
4. Các kỹ thuật băng cơ bản(có 6 kiểu băng)
5. Tiến hành băng bó vết thương đơn giản

**Bài 4. Sơ cứu vết thương phần mềm, cầm máu**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày các dấu hiệu chảy máu.
2. Nêu nguyên tắc và mục đích cầm máu.
3. Trình bày được các nguyên tắc đặt ga rô.
4. Tiến hành ga rô cầm máu đúng quy trình kỹ thuật và có thái độ tôn trọng, đúng mực, khân trương, chính xác.

**\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Sơ cứu vết thương phần mềm
  - 2.1. Vết thương phần mềm nhỏ, sạch
  - 2.2. Vết thương phần mềm lớn, giập nát, bẩn
3. Sơ cứu vết thương, phân loại chảy máu, và xử trí
  - 3.1. Mục đích và nguyên tắc cầm máu vết thương
  - 3.2. Phân loại chảy máu và xử trí
    - 3.2.1. Chảy máu mao mạch
    - 3.2.2. Chảy máu tĩnh mạch
    - 3.2.3. Chảy máu động mạch
4. Nguyên tắc đặt garo(6 nguyên tắc)

5. Kỹ thuật đặt ga rô

### **Bài 5. Sơ cứu và cố định tạm thời gãy xương**

(Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 06 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được mục đích, dấu hiệu, nguyên nhân và các loại gãy xương.
2. Nêu được các nguyên tắc cố định gãy xương.
3. Tiến hành cố định gãy xương đúng quy trình kỹ thuật.
4. Có thái độ tôn trọng, xử lý nhanh chóng cho người bệnh khi sơ cứu gãy xương.

#### **\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Mục đích
3. Các dấu hiệu chính của gãy xương
4. Nguyên nhân và các loại gãy xương
  - 4.1. Nguyên nhân
  - 4.2. Các loại gãy xương
    - 4.2.1. Gãy xương kín
    - 4.2.2. Gãy xương hở
5. Nguyên tắc (7 nguyên tắc)
6. Quy trình kỹ thuật

### **Bài 6. Sơ cấp cứu và xử trí ban đầu khi bị bỏng**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được nguyên nhân gây bỏng.
2. Tiến hành sơ cứu bỏng đúng cách trước khi chuyển lên tuyến trên.
3. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi sơ cứu bỏng.

#### **\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Nguyên nhân gây bỏng
3. Sơ cứu bỏng
4. Đề phòng bỏng

### **Bài 7. Sơ cứu say nắng, say nóng** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được dấu hiệu chính của say nắng, say nóng.
2. Tiến hành xử trí người say nắng, say nóng tại hiện trường.
3. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi sơ cứu người bệnh say nắng, say nóng.

#### **\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Say nắng
  - 2.1. Định nghĩa
  - 2.2. Các dấu hiệu của say nắng
  - 2.3. Tiến triển
  - 2.4. Xử trí, chăm sóc

- 3. Say nóng
- 3.1. Định nghĩa
- 3.2. Các trường hợp say nóng
- 3.3. Các dấu hiệu của say nóng
- 3.4. Tiến triển
- 3.5. Xử trí

**Bài 8. Sơ cứu ngộ độc** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

- 1. Trình bày được các dấu hiệu chính của ngộ độc thường gặp.
- 2. Sơ cứu ban đầu cho nạn nhân bị ngộ độc.
- 3. Có thái độ tôn trọng, đúng mực khi thực hiện sơ cứu nạn nhân bị ngộ độc.

**\* Nội dung**

- 1. Đại cương
- 2. Các dấu hiệu chính của ngộ độc thường gặp
- 3. Sơ cứu ban đầu ngộ độc thường gặp
  - 3.1. Ngộ độc sán
  - 3.2. Ngộ độc do uống nhầm lẫn thuốc
  - 3.3. Ngộ độc do hút, hít phải xăng dầu
  - 3.4. Ngộ độc wofatox

**Bài 9. Sơ cứu và xử trí ban đầu rắn cắn** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

- 1. Trình bày được hai loại rắn độc thường gặp ở Việt Nam.
- 2. Mô tả được dấu hiệu, tiến triển và biến chứng của người bệnh khi bị rắn độc cắn.
- 3. Có thái độ tôn trọng khi sơ cứu nạn nhân bị rắn cắn.

**\* Nội dung**

- 1. Đại cương
- 2. Dấu hiệu
  - 2.1. Họ rắn hổ
  - 2.2. Họ rắn lục
    - 2.2.1. Tại chỗ
    - 2.2.2. Toàn thân
- 3. Xử trí

**Bài 10. Sơ cứu đuối nước** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

**\* Mục tiêu**

- 1. Trình bày các dấu hiệu của đuối nước.
- 2. Xử trí được người bị đuối nước tại cộng đồng.
- 3. Tiến hành xử lý nhanh, khẩn trương khi nạn nhân cần cấp cứu đuối nước.

**\* Nội dung**

- 1. Đại cương
- 2. Dấu hiệu
- 3. Cấp cứu người bị đuối nước
  - 3.1. Cấp cứu ngay ở dưới nước

### 3.2. Cấp cứu tại chỗ ngay khi vớt lên bờ

#### **Bài 11. Sơ cấp cứu điện giật** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

##### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được đặc điểm, dấu hiệu điện giật.
2. Thực hiện được cấp cứu nạn nhân điện giật, phòng tránh được điện giật.
3. Xử lý nhanh, khẩn trương và có thái độ tôn trọng nạn nhân khi cấp cứu điện giật.

##### **\* Nội dung**

1. Đặc điểm
2. Dấu hiệu
3. Cấp cứu
  - 3.1. Cắt nguồn điện tiếp xúc với nạn nhân
  - 3.2. Hồi sức nạn nhân
  - 3.3. Xử lý nơi bị bỏng
4. Phòng điện giật

#### **Bài 12. Vận chuyển người bệnh an toàn** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

##### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được nguyên tắc vận chuyển nạn nhân.
2. Tiến hành vận chuyển nạn nhân đúng cách.
3. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi vận chuyển.

##### **\* Nội dung**

1. Nguyên tắc vận chuyển nạn nhân
2. Các cách vận chuyển nạn nhân
  - 2.1. Vận chuyển không cáng
  - 2.2. Vận chuyển có cáng
  - 2.3. Nhấc nạn nhân lên cáng
  - 2.4. Tư thế nạn nhân nằm cáng
  - 2.5. Khiêng cáng

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

#### **1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:* Thực hiện kỹ thuật xử trí sơ cấp cứu và vận chuyển được người bệnh tại cộng đồng.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Bình tĩnh, tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với nhân viên y tế thực hiện đúng nhiệm vụ của Nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

#### **2. Phương pháp:**

\* *Kiểm tra thường xuyên:* 01 điểm

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ:* 01 điểm

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành.

*\* Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun.
- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành.
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi viết hoặc thi thực hành.

*\* Công thức tính điểm*

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô-đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực.
- Thực hành: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành.
- Tích hợp: Thực hiện tại Phòng học thực hành của trường cao đẳng Vĩnh Phúc.

**3. Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Y tế (2012), *Điều dưỡng cơ bản I,II* Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2010), *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập I, II*. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2008), Ths. Nguyễn Mạnh Dũng, *Cấp cứu ban đầu*, Nhà xuất bản Y học.
4. Giáo sư Vũ Văn Đính, Nguyễn Thị Dụ (2017), *Hồi sức cấp cứu*. Nhà xuất bản Y học



### 3. Tên mô-đun: TRUYỀN THÔNG - GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã mô-đun: MĐ03

Thời gian thực hiện mô-đun: 30 giờ (Lý thuyết: 8 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 20 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

#### I. Vị trí tính chất mô-đun

- **Vị trí:** Là mô-đun thứ 3 trong chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn, bản.
- **Tính chất:** Cung cấp cho người học những kiến thức về giao tiếp, tư vấn, truyền thông giúp người học thuận lợi hơn trong việc cung cấp thông tin cần truyền đạt đến người bệnh tại nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu.

#### II. Mục tiêu mô-đun

##### \* Kiến thức

- Trình bày được khái niệm giao tiếp và tầm quan trọng của giao tiếp.
- Liệt kê được các yếu tố chính của quá trình giao tiếp.
- Mô tả được hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.
- Nêu định nghĩa, mục đích của tư vấn sức khỏe, truyền thông giáo dục sức khỏe.

##### \* Kỹ năng

- Áp dụng được một số kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trong thôn, bản.
- Tuyên truyền vận động người dân thay đổi các hành vi có thể gây bất lợi cho sức khỏe của con người.

##### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tự tin, nhiệt tình có trách nhiệm và phối kết hợp tốt với nhân viên y tế trong việc cung cấp các thông tin trong chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

#### III. Nội dung mô-đun

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			Kiểm tra
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	
1	<b>Bài 1. Kỹ năng giao tiếp</b> 1. Khái niệm và tầm quan trọng của giao tiếp 1.1. Khái niệm giao tiếp 1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp 1.2.1. Giao tiếp với người bệnh 1.2.2. Giao tiếp với người thân của người bệnh 1.2.3. Giao tiếp với thầy thuốc và đồng nghiệp 2. Các yếu tố của giao tiếp 2.1. Thông điệp 2.2. Người truyền tin 2.3. Người nhận tin	4	2	2	

	<p>2.4. Kênh truyền thông</p> <p>2.5. Phản hồi</p> <p>2.6. Nhiễu thông tin</p> <p>3. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản</p> <p>3.1. Kỹ năng hỏi chuyện (phỏng vấn)</p> <p>3.2. Lắng nghe tích cực (LNTC)</p> <p>3.3. Thông cảm</p> <p>3.4. Tiếp xúc thích hợp</p> <p>3.5. Sử dụng sự im lặng</p>				
2	<p><b>Bài 2. Tư vấn sức khỏe</b></p> <p>1. Khái niệm về tư vấn sức khỏe</p> <p>2. Mục đích của tư vấn</p> <p>3. Nguyên tắc của tư vấn</p> <p>3.1. Chọn thời điểm và địa điểm thích hợp</p> <p>3.2. Xác định rõ nhu cầu cần tư vấn</p> <p>3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết giúp đối tượng hiểu rõ vấn đề của họ</p> <p>3.4. Thảo luận các biện pháp giải quyết vấn đề sức khỏe thích hợp đối với các đối tượng tư vấn</p> <p>3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của đối tượng</p> <p>4. Các bước tư vấn</p> <p>4.1. Tạo mối quan hệ tốt với đối tượng</p> <p>4.2. Xác định nhu cầu của người được tư vấn</p> <p>4.3. Giúp đối tượng xác định các lựa chọn</p> <p>4.4. Giúp đối tượng chọn và thực hiện các giải pháp thích hợp nhất</p>	4	2	2	
3	<p><b>Bài 3. Hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe</b></p> <p>1. Khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe</p> <p>1.1. Hành vi</p> <p>1.2. Hành vi sức khỏe</p> <p>2. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p>❖ <u>Bước 1</u>: Chưa quan tâm đến sự thay đổi hành vi</p> <p>❖ <u>Bước 2</u>: Đã có quan tâm đến thay đổi hành vi</p> <p>❖ <u>Bước 3</u>: Chuẩn bị thay đổi hành vi</p> <p>❖ <u>Bước 4</u>: Hành động (thực hiện hành vi mới)</p> <p>❖ <u>Bước 5</u>: Duy trì hành vi đã thay đổi (hành vi mới)</p> <p>3. Các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi</p> <p>3.1. Việc thay đổi hành vi phải do đối tượng tự nguyện</p>	8	2	6	

	<p>3.2. Hành vi phải nổi bật, điển hình, gây hậu quả nhiều tới sức khoẻ</p> <p>3.3. Các hành vi thay đổi phải được duy trì qua thời gian</p> <p>3.4. Việc thay đổi hành vi không quá khó cho đối tượng</p> <p>3.5. Phải có sự trợ giúp xã hội</p>				
4	<p><b>Bài 4. Truyền thông - giáo dục sức khỏe</b></p> <p>1. Khái niệm truyền thông - giáo dục sức khỏe</p> <p>2. Tầm quan trọng của truyền thông - giáo dục sức khỏe</p> <p>3. Các phương pháp truyền thông - giáo dục sức khỏe</p> <p>3.1. Truyền thông - giáo dục sức khỏe trực tiếp</p> <p>3.1.1. Tổ chức nói chuyện về sức khỏe</p> <p>3.1.2. Tổ chức thảo luận nhóm về sức khỏe</p> <p>3.1.3. Giáo dục sức khỏe với cá nhân</p> <p>3.1.4. Giáo dục sức khỏe với gia đình</p> <p>3.2. Truyền thông - giáo dục sức khỏe gián tiếp</p> <p>4. Những chủ đề chính cần truyền thông-giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>5. Mười hai nội dung thực hành cơ bản CSSK tại gia đình</p>	4	1	3	
	Kiểm tra định kỳ	2	0	0	2
5	<p><b>Bài 5. Lập kế hoạch cho 1 buổi truyền thông-giáo dục sức khỏe</b></p> <p>1. Tầm quan trọng của việc lập kế hoạch TT-GDSK</p> <p>2. Các bước lập kế hoạch TT-GDSK</p> <p>2.1. Xác định mục tiêu TT-GDSK</p> <p>2.2. Lựa chọn các hoạt động ưu tiên, thích hợp</p> <p>2.2.1. Phân nhóm đối tượng giáo dục</p> <p>2.2.2. Lựa chọn các phương pháp GDSK trực tiếp hoặc gián tiếp</p> <p>2.3. Phối hợp các nguồn lực</p> <p>2.4. Triển khai thực hiện</p> <p>2.5. Đánh giá kết quả</p> <p>2.5.1. Xác định mục tiêu đánh giá</p> <p>2.5.2. Xác định phạm vi đánh giá</p> <p>2.5.3. Chọn các chỉ số đánh giá</p> <p>2.5.4. Chọn các phương pháp thu thập số liệu</p> <p>2.5.5. Thu thập số liệu</p>	8	1	7	

	2.5.6. Phân tích số liệu				
	2.5.7. Viết báo cáo trình bày kết quả				
	2.5.8. Thông báo và sử dụng kết quả đánh giá				
<b>Tổng số</b>		<b>30</b>	<b>8</b>	<b>20</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 1. Kỹ năng giao tiếp** (Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

### \* Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm giao tiếp và tầm quan trọng của giao tiếp.
2. Trình bày được các yếu tố chính trong giao tiếp.
3. Kể được 5 kỹ năng giao tiếp cơ bản trong giao tiếp.
4. Vận dụng kiến thức bài học để giao tiếp tốt trong quá trình học tập và hành nghề.
5. Rèn luyện tính kiên trì, cởi mở, thân thiện khi giao tiếp mọi người xung quanh.

### \* Nội dung

1. Khái niệm và tầm quan trọng của giao tiếp
  - 1.1. Khái niệm giao tiếp
  - 1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp
    - 1.2.1. Giao tiếp với người bệnh
    - 1.2.2. Giao tiếp với người thân của người bệnh
    - 1.2.3. Giao tiếp với thầy thuốc và đồng nghiệp
2. Các yếu tố của giao tiếp
  - 2.1. Thông điệp
  - 2.2. Người truyền tin
  - 2.3. Người nhận tin
  - 2.4. Kênh truyền thông
  - 2.5. Phản hồi
  - 2.6. Nhiễu thông tin
3. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản
  - 3.1. Kỹ năng hỏi chuyện (phỏng vấn)
  - 3.2. Lắng nghe tích cực (LNTC)
  - 3.3. Thông cảm
  - 3.4. Tiếp xúc tích hợp
  - 3.5. Sử dụng sự im lặng

**Bài 2. Tư vấn sức khỏe** (Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

### \* Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về tư vấn sức khỏe và 3 mục đích của tư vấn.
2. Trình bày được 6 nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe.
3. Kể được 5 bước của tư vấn sức khỏe.
4. Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện tư vấn sức khỏe trong một số tình huống cụ thể.
5. Rèn luyện tính kiên trì, cởi mở, thân thiện khi tư vấn sức khỏe tại cộng đồng.

**\* Nội dung**

1. Khái niệm về tư vấn sức khỏe
2. Mục đích của tư vấn
3. Nguyên tắc của tư vấn
  - 3.1. Chọn thời điểm và địa điểm thích hợp
  - 3.2. Xác định rõ nhu cầu cần tư vấn
  - 3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết giúp đối tượng hiểu rõ vấn đề của họ
  - 3.4. Thảo luận các biện pháp giải quyết vấn đề sức khỏe thích hợp đối với các đối tượng tư vấn
  - 3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của đối tượng
4. Các bước tư vấn
  - 4.1. Tạo mối quan hệ tốt với đối tượng
  - 4.2. Xác định nhu cầu của người được tư vấn
  - 4.3. Giúp đối tượng xác định các lựa chọn
  - 4.4. Giúp đối tượng chọn và thực hiện các giải pháp thích hợp nhất

**Bài 3. Hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe**

(Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 06 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Mô tả được 5 bước của quá trình thay đổi hành vi.
3. Vận dụng kiến thức bài học để lựa chọn hành vi đúng đắn nhất cho bản thân và những người xung quanh.
4. Có thái độ nhẹ nhàng, cởi mở, kiên trì trong việc làm thay đổi hành vi sức khỏe cho cộng đồng

**\* Nội dung**

1. Khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe
  - 1.1. Hành vi
  - 1.2. Hành vi sức khỏe
2. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe:
  - ❖ Bước 1: Chưa quan tâm đến sự thay đổi hành vi
  - ❖ Bước 2: Đã có quan tâm đến thay đổi hành vi
  - ❖ Bước 3: Chuẩn bị thay đổi hành vi
  - ❖ Bước 4: Hành động (thực hiện hành vi mới)
  - ❖ Bước 5: Duy trì hành vi đã thay đổi (hành vi mới)
3. Các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi
  - 3.1. Việc thay đổi hành vi phải do đối tượng tự nguyện
  - 3.2. Hành vi phải nổi bật, điển hình, gây hậu quả nhiều tới sức khỏe
  - 3.3. Các hành vi thay đổi phải được duy trì qua thời gian
  - 3.4. Việc thay đổi hành vi không quá khó cho đối tượng
  - 3.5. Phải có sự trợ giúp xã hội

**Bài 4. Truyền thông-giáo dục sức khỏe** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày được khái niệm và tầm quan trọng của truyền thông - giáo dục sức khoẻ.
2. Trình bày được các phương pháp truyền thông - giáo dục sức khoẻ.
3. Kể được những chủ đề chính cần truyền thông-giáo dục sức khoẻ tại cộng đồng và 12 nội dung thực hành cơ bản CSSK tại gia đình.
4. Vận dụng kiến thức kỹ năng bài học để thực hiện được các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khoẻ cho bản thân và mọi người xung quanh.
5. Rèn luyện tính kiên trì, cởi mở, thân thiện để thực hiện được các buổi truyền thông sức khoẻ tại cộng đồng.

**\* Nội dung**

1. Khái niệm truyền thông - giáo dục sức khoẻ
2. Tầm quan trọng của truyền thông - giáo dục sức khoẻ
3. Các phương pháp truyền thông - giáo dục sức khoẻ
  - 3.1. Truyền thông - giáo dục sức khoẻ trực tiếp
    - 3.1.1. Tổ chức nói chuyện về sức khoẻ
    - 3.1.2. Tổ chức thảo luận nhóm về sức khoẻ
    - 3.1.3. Giáo dục sức khoẻ với cá nhân
    - 3.1.4. Giáo dục sức khoẻ với gia đình
  - 3.2. Truyền thông - giáo dục sức khoẻ gián tiếp
4. Những chủ đề chính cần truyền thông - giáo dục sức khoẻ tại cộng đồng.
5. Mười hai nội dung thực hành cơ bản CSSK tại gia đình.

**Bài 5. Lập kế hoạch cho một buổi truyền thông - giáo dục sức khoẻ**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 07 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày tầm quan trọng của việc lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khoẻ.
2. Trình bày các bước lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khoẻ.
3. Lập được một bản kế hoạch giáo dục sức khoẻ ngắn hạn phục vụ cho một vấn đề sức khoẻ ưu tiên của cộng đồng.
4. Thể hiện thái độ tự tin, có trách nhiệm và phối kết hợp tốt trong làm việc nhóm để lập được kế hoạch của 1 buổi truyền thông giáo dục sức khoẻ

**\* Nội dung**

1. Tầm quan trọng của 1 buổi truyền thông giáo dục - sức khoẻ
2. Các bước lập kế hoạch TT-GDSK
  - 2.1. Xác định mục tiêu TT-GDSK
  - 2.2. Lựa chọn các hoạt động ưu tiên, thích hợp
    - 2.2.1. Phân nhóm đối tượng giáo dục
    - 2.2.2. Lựa chọn các phương pháp GDSK trực tiếp hoặc gián tiếp
  - 2.3. Phối hợp các nguồn lực
  - 2.4. Triển khai thực hiện
  - 2.5. Đánh giá kết quả
    - 2.5.1. Xác định mục tiêu đánh giá
    - 2.5.2. Xác định phạm vi đánh giá
    - 2.5.3. Chọn các chỉ số đánh giá

2.5.4. Chọn các phương pháp thu thập số liệu

2.5.5. Thu thập số liệu

2.5.6. Phân tích số liệu

2.5.7. Viết báo cáo trình bày kết quả

2.5.8. Thông báo và sử dụng kết quả đánh giá

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:* Vận dụng được kiến thức đã học để giao tiếp, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe, lập được kế hoạch cho một buổi truyền thông giáo dục để đạt được đúng mục đích của việc truyền đạt thông tin về vấn đề sức khỏe cho người dân tại thôn, bản.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt nhân viên y tế để giao tiếp, tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe, lập được kế hoạch cho một buổi truyền thông giáo dục và thực hiện truyền thông tại nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu.

### **2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên:* 01 điểm

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ:* 01 điểm

Hình thức kiểm tra: Kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.

- Hình thức kiểm tra: thi viết

- Thời gian: 60 phút

\* *Công thức tính điểm*

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô-đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực
- Thực hành: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành
- Tích hợp: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành

**3. Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Nguyễn Văn Hiến ( 2006 ), Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
2. PGS.TS. Đàm Khai Hoàn ( 2007 ), Giáo trình Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Nguyễn Phiên, Bùi Thị Thu Hà ( 2007), Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. GS.TS. Đào Ngọc Phong, PGS.TS. Phan Văn Các (2004), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.



#### 4. Tên mô-đun: VỆ SINH PHÒNG BỆNH

Mã mô-đun: MĐ04

Thời gian thực hiện mô-đun: 30 giờ. (Lý thuyết: 8 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 20 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

##### I. Vị trí tính chất mô-đun

- **Vị trí:** Là mô-đun thứ 4 trong chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn bản
- **Tính chất:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường, nguồn thực phẩm nhằm mục tiêu giúp người học hiểu rõ vai trò của cán bộ y tế thôn bản trong việc bảo vệ nguồn thực phẩm sẵn có và bảo vệ môi giúp người nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

##### II. Mục tiêu mô-đun

###### \* Kiến thức

- Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng cơ bản và sử dụng nguồn thực phẩm sẵn có tại địa phương.

- Kể được những tác hại của ô nhiễm môi trường. Lợi ích của việc thực hiện 3 sạch, 4 diệt.

###### \* Kỹ năng

- Thực hiện vệ sinh thực phẩm và vệ sinh trong ăn uống.
- Áp dụng được một số kỹ thuật vệ sinh môi trường thích hợp tại cộng đồng.
- Tham gia và vận động nhân dân phòng và chống dịch tại địa phương.

###### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thái độ nghiêm túc, khẩn trương, tích cực trong việc vệ sinh môi trường, dự phòng bệnh tật cho cá nhân và cộng đồng. Phối hợp với địa phương, trạm y tế, nhân dân ngăn chặn những hành động ảnh hưởng tới môi trường sống và sức khỏe cộng đồng.

##### III. Nội dung mô-đun

###### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1. Môi trường và sức khỏe</b> 1. Khái niệm môi trường 2. Các chức năng của môi trường 2.1. Môi trường cung cấp không gian sống cho con người 2.2. Môi trường cung cấp tài nguyên 2.3. Môi trường là nơi chứa đựng chất thải 3. Các khái niệm về sức khỏe và mối liên quan giữa môi trường và sức khỏe 3.1. Khái niệm về sức khỏe 3.2. Mô hình liên quan giữa môi trường và sức khỏe	1	1	0	0

	<p>4. Các yếu tố ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe</p> <p>4.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường</p> <p>4.2. Một số vấn đề cấp bách của môi trường toàn cầu hiện nay</p> <p>4.2.1. Ô nhiễm không khí</p> <p>4.2.2. Sự ấm lên của trái đất</p> <p>4.2.3. Sự suy giảm tầng ozon</p> <p>4.2.4. Mưa axit</p> <p>4.2.5. Ô nhiễm đời sống sinh vật biển</p> <p>4.2.6. Sự mất đi của các rừng nhiệt đới</p>				
2	<p><b>Bài 2. Phòng, chống tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường</b></p> <p>1. Ô nhiễm không khí</p> <p>1.1. Các nguồn gây ra ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>1.1.1. Nguồn ô nhiễm công nghiệp</p> <p>1.1.2. Nguồn ô nhiễm giao thông vận tải</p> <p>1.1.3. Nguồn ô nhiễm do sinh hoạt của con người gây ra</p> <p>2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người</p> <p>3. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí</p> <p>3.1. Quản lý và kiểm soát môi trường.</p> <p>3.2. Quy hoạch xây dựng đô thị và bố trí khu công nghiệp</p> <p>3.3. Sử dụng cây xanh để bảo vệ môi trường không khí</p> <p>3.4. Biện pháp công nghệ</p> <p>3.5. Các phương pháp làm sạch khí thải</p>	1	1	0	0
3	<p><b>Bài 3. Thảm họa và sức khỏe cộng đồng</b></p> <p>1. Định nghĩa thảm họa</p> <p>2. Phân loại thảm họa</p> <p>3. Tác hại của thảm họa</p> <p>3.1. Tác hại đến sức khỏe con người và môi trường</p> <p>3.2. Tác hại đến cơ sở vật chất</p> <p>3.3. Tác hại đến môi trường</p> <p>4. Các chính sách nhằm hạn chế thảm họa</p> <p>4.1. Các chính sách/ biện pháp đối phó tình huống</p>	1	1	0	0

	4.2. Các chính sách/ biện pháp dự phòng lâu dài 4.3. Quỹ phục hồi sau thiên tai 4.2.Các chính sách/ biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế				
4	<b>Bài 4. Quản lý chất thải</b> 1. Định nghĩa chất thải 2. Phân loại chất thải 2.1. Theo vị trí hình thành 2.2. Theo thành phần hóa học và vật lý 2.2.1. Chất thải sinh hoạt 2.2.2. Chất thải công nghiệp 2.2.3.Chất thải xây dựng 2.2.4.Chất thải nông nghiệp 2.2.5. Chất thải y tế 2.3. Phân loại theo mức độ nguy hại 2.3.1.Chất thải nguy hại 2.3.2. Chất thải không nguy hại	1	1	0	0
	<b>Bài 5. Xử lý chất thải</b> 1. Đại cương 2. Tầm quan trọng của xử lý rác và chất thải 2.1. Mặt y tế 2.2. Mặt kinh tế 2.3. Mặt văn hoá, xã hội 3. Xử lý rác 3.1. Thu gom và vận chuyển 3.1.1. Sọt, thùng rác 3.1.2. Đường ống dẫn rác trong nhà ở tập thể 3.1.3. Vận chuyển rác 3.2. Xử lý rác 3.2.1. Ủ rác 3.2.2. Chôn rác 3.2.3. Đốt rác 4. Xử lý nước thải 4.1. Ở nơi chưa có hệ thống cống 4.2. Hệ thống cống ở thành phố 4.3. Làm sạch nước bản 4.3.1. Phương pháp lọc cơ học 4.3.2. Phương pháp lọc sinh học	4	1	3	
6	<b>Bài 6. Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh</b> 1. Diệt côn trùng 1.1. Diệt ruồi 1.2. Diệt muỗi	4	1	3	0

	<p>1.3. Diệt bọ chét</p> <p>2. Diệt chuột</p> <p>2.1. Mục đích</p> <p>2.2. Tiến hành</p>				
	<p><b>Bài 7. Vệ sinh nhà ở vệ sinh cá nhân</b></p> <p>1. Đặc điểm khí hậu Việt Nam</p> <p>1.1. Khí hậu miền Bắc</p> <p>1.2. Khí hậu miền Nam</p> <p>2. Giải pháp đảm bảo vệ sinh nhà ở</p> <p>2.1. Biện pháp che nắng</p> <p>2.2. Biện pháp cách nhiệt</p> <p>2.3. Biện pháp thông gió</p> <p>2.4. Biện pháp chống ẩm</p> <p>3. Tầm quan trọng của vệ sinh cá nhân</p> <p>3.1. Giáo dục vệ sinh cá nhân nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe, kéo dài tuổi thọ con người</p> <p>3.2. Giáo dục vệ sinh cá nhân là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa</p>	4	1	3	0
8	<p><b>Bài 8. Vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Vệ sinh ăn uống</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Ăn chín</p> <p>2.3. Uống chín</p> <p>3. Vệ sinh an toàn thực phẩm</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Nguyên tắc</p>	4	1	3	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	2			2
	<p><b>Bài 9. Vệ sinh tại cộng đồng</b></p> <p>1. Mục đích thăm cộng đồng</p> <p>2. Các bước thăm gia đình</p> <p>2.1. Chào hỏi</p> <p>2.2. Phát hiện các vấn đề về sức khỏe gia đình</p> <p>2.3. Thực hiện chăm sóc người bệnh và hướng dẫn gia đình thực hiện</p> <p>2.4. Giáo dục sức khỏe cho gia đình</p> <p>2.5. Ghi chép và dọn dò những điều cần thiết</p> <p>2.6. Chào và cảm ơn gia đình trước khi ra về và hẹn đến thăm lần sau</p> <p>3. Kỹ năng giao tiếp với gia đình</p> <p>3.1. Lên kế hoạch thăm hộ gia đình</p>	8	0	8	0

3.2. Trang phục gọn gàng, nghiêm chỉnh				
3.3. Quan sát xem gia đình				
3.5. Chú ý để hiểu gia đình				
4. Lập kế hoạch đi thăm một hộ gia đình				
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>30</b>	<b>8</b>	<b>20</b>	<b>2</b>

## **2. Nội dung chi tiết**

### **Bài 1. Môi trường và sức khỏe** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được các khái niệm về môi trường.
2. Trình bày được các chức năng của môi trường.
3. Trình bày được các khái niệm về sức khỏe và mô hình liên quan giữa sức khỏe và môi trường.
4. Trình bày được các vấn đề ảnh hưởng về môi trường.

#### **\* Nội dung**

1. Khái niệm môi trường
2. Các chức năng của môi trường
  - 2.1. Môi trường cung cấp không gian sống cho con người
  - 2.2. Môi trường cung cấp tài nguyên
  - 2.3. Môi trường là nơi chứa đựng chất thải
3. Các khái niệm về sức khỏe và mối liên quan giữa môi trường và sức khỏe
  - 3.1. Khái niệm về sức khỏe
  - 3.2. Mô hình liên quan giữa môi trường và sức khỏe
4. Các yếu tố ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe
  - 4.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường
  - 4.2. Một số vấn đề cấp bách của môi trường toàn cầu hiện nay
    - 4.2.1. Ô nhiễm không khí
    - 4.2.2. Sự ấm lên của trái đất
    - 4.2.3. Sự suy giảm tầng ozon
    - 4.2.4. Mưa axit
    - 4.2.5. Ô nhiễm đời sống sinh vật biển
    - 4.2.6. Sự mất đi của các rừng nhiệt đới

### **Bài 2. Phòng, chống tác động của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

#### **\* Mục tiêu**

1. Kể được nguyên nhân ô nhiễm môi trường không khí.
2. Phân tích được sự ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe của con người.
3. Trình bày được các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí.

#### **\* Nội dung**

1. Ô nhiễm không khí
  - 1.1. Các nguồn gây ra ô nhiễm môi trường không khí
    - 1.1.1. Nguồn ô nhiễm công nghiệp
    - 1.1.2. Nguồn ô nhiễm giao thông vận tải

- 1.1.3. Nguồn ô nhiễm do sinh hoạt của con người gây ra
2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người
3. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí
  - 3.1. Quản lý và kiểm soát môi trường
  - 3.2. Quy hoạch xây dựng đô thị và bố trí khu công nghiệp
  - 3.3. Sử dụng cây xanh để bảo vệ môi trường không khí
  - 3.4. Biện pháp công nghệ
  - 3.5. Các phương pháp làm sạch khí thải

### **Bài 3. Thảm họa và sức khỏe cộng đồng** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được định nghĩa và phân loại thảm họa ảnh hưởng tới sức khỏe con người.
2. Phân tích được tác động của thảm họa đến sức khỏe con người và môi trường.
3. Trình bày một số chính sách cơ bản nhằm hạn chế hậu quả của thiên tai.

#### **\* Nội dung**

1. Định nghĩa thảm họa
2. Phân loại thảm họa
3. Tác hại của thảm họa
  - 3.1. Tác hại đến sức khỏe con người và môi trường
  - 3.2. Tác hại đến cơ sở vật chất
  - 3.3. Tác hại đến môi trường
4. Các chính sách nhằm hạn chế thảm họa
  - 4.1. Các chính sách/ biện pháp đối phó tình huống
  - 4.2. Các chính sách/ biện pháp dự phòng lâu dài
  - 4.3. Quy phục hồi sau thiên tai
  - 4.2. Các chính sách/ biện pháp tăng cường hợp tác quốc tế

### **Bài 4. Quản lý chất thải** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được định nghĩa chất thải.
2. Hướng dẫn cho người dân tại địa phương phân loại được các loại chất thải.

#### **\* Nội dung**

1. Định nghĩa chất thải
2. Phân loại thành phần chất thải
  - 2.1. Theo vị trí hình thành
  - 2.2. Theo thành phần hóa học và vật lý
    - 2.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt
    - 2.2.2. Chất thải rắn công nghiệp
    - 2.2.3. Chất thải xây dựng
    - 2.2.4. Chất thải nông nghiệp
    - 2.2.5. Chất thải y tế
  - 2.3. Phân loại theo mức độ nguy hại
    - 2.3.1. Chất thải nguy hại
    - 2.3.2. Chất thải không nguy hại

## **Bài 5. Xử lý chất thải**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được tầm quan trọng của xử lý chất thải.
2. Thực hiện được thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại cộng đồng.

### **\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Tầm quan trọng của xử lý chất thải
  - 2.1 Mặt y tế
  - 2.2. Mặt kinh tế
  - 2.3. Mặt văn hoá, xã hội
3. Xử lý rác
  - 3.1. Thu gom và vận chuyển
    - 3.1.1. Sọt, thùng rác
    - 3.1.2. Đường ống dẫn rác trong nhà ở tập thể
    - 3.1.3. Vận chuyển rác
  - 3.2. Xử lý rác
    - 3.2.1. Ủ rác
    - 3.2. Chôn rác
    - 3.3. Đốt rác
  4. Xử lý nước thải
    - 4.1. Ở nơi chưa có hệ thống cống
    - 4.2. Hệ thống cống ở thành phố
    - 4.3. Làm sạch nước bẩn
      - 4.3.1. Phương pháp lọc cơ học
      - 4.3.2. Phương pháp lọc sinh học

## **Bài 6. Phòng và diệt các côn trùng truyền bệnh**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được mục đích của diệt côn trùng, diệt chuột.
2. Thực hiện được các biện pháp diệt côn trùng, diệt chuột.

### **\* Nội dung**

1. Diệt côn trùng
  - 1.1. Diệt ruồi
  - 1.2. Diệt muỗi
  - 1.3. Diệt bọ chét
2. Diệt chuột
  - 2.1. Mục đích

## 2.2. Tiến hành

### **Bài 7. Vệ sinh nhà ở, vệ sinh cá nhân** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được đặc điểm khí hậu Việt Nam liên quan đến vệ sinh nhà ở.
2. Phân tích được tầm quan trọng của vệ sinh cá nhân.
3. Thực hiện được các giải pháp đảm bảo vệ sinh nhà ở, vệ sinh cá nhân.

#### **\* Nội dung**

1. Đặc điểm khí hậu Việt Nam
  - 1.1. Khí hậu miền Bắc
  - 1.2. Khí hậu miền Nam
2. Giải pháp đảm bảo vệ sinh nhà ở
  - 2.1. Biện pháp che nắng
  - 2.2. Biện pháp cách nhiệt
  - 2.3. Biện pháp thông gió
  - 2.4. Biện pháp chống ẩm
3. Tầm quan trọng của vệ sinh cá nhân
  - 3.1. Giáo dục vệ sinh cá nhân nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe, kéo dài tuổi thọ cho con người
  - 3.2. Giáo dục vệ sinh cá nhân là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

### **Bài 8. Vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết , 03 giờ thực hành)

#### **\* Mục tiêu**

1. Trình bày được khái niệm vệ sinh ăn uống, vệ sinh an toàn thực phẩm
2. Nêu được nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
3. Thực hiện được lựa chọn, chế biến thực phẩm an toàn.

#### **\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Vệ sinh ăn uống
  - 2.1. Khái niệm
  - 2.2. Ăn chín
  - 2.3. Uống chín
3. Vệ sinh an toàn thực phẩm
  - 3.1. Khái niệm
  - 3.2. Nguyên tắc

### **Bài 9. Vệ sinh cộng đồng** (Thời gian: 08 giờ thực hành cộng đồng)

#### **\* Mục tiêu**

1. Nêu được mục đích thăm cộng đồng.



2. Thực hiện được các bước, kỹ năng giao tiếp, lập kế hoạch thăm hộ gia đình.

**\* Nội dung**

1. Mục đích thăm cộng đồng

2. Các bước thăm hộ gia đình

2.1. Chào hỏi

2.2. Phát hiện các vấn đề về sức khỏe gia đình

2.3. Thực hiện chăm sóc người bệnh và hướng dẫn gia đình thực hiện

2.4. Giáo dục sức khỏe cho gia đình

2.5. Ghi chép và dặn dò những điều cần thiết

2.6. Chào và cảm ơn gia đình trước khi ra về và hẹn đến thăm lần sau

3. Kỹ năng giao tiếp với gia đình

3.1. Lên kế hoạch thăm hộ gia đình

3.2. Trang phục gọn gàng, nghiêm chỉnh

3.3. Quan sát xem gia đình

3.5. Chú ý để hiểu gia đình

4. Lập kế hoạch và thực hành đi thăm một hộ gia đình

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức mô-đun đã học vào tuyên truyền vận động nhân dân tại địa phương để phòng chống dịch bệnh, biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn thực phẩm nâng cao sức khỏe con người.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với giảng viên, người học hoàn thành các nhiệm vụ học tập áp dụng vào thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

**2. Phương pháp:**

\* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: Kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.

- Hình thức kiểm tra: thi viết

- Thời gian: 60 phút

\* *Công thức tính điểm*

TBKT = (KTTX + KTĐK\*2)/3

Điểm tổng kết mô-đun = TBKT \*0,4 + THI \*0,6

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực
- Thực hành: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành
- Tích hợp: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành của trường

### **3. Tài liệu tham khảo:**

1. Vệ sinh môi trường - dịch tễ (2001), Nxb Y học, Hà Nội.
2. Bài giảng sức khỏe môi trường, đại học y tế công cộng Hà Nội, 2015.
3. Sức khỏe môi trường (2019), Trường cao đẳng y tế Thái Nguyên.
4. Dương Đức Thiện, các phương pháp dịch tễ, NXB y học, 2016.
5. Giáo trình vệ sinh phòng bệnh. Sở giáo dục đào tạo. NXB Hà Nội 2018.
6. Vệ sinh lao động và nghề nghiệp, nhà xuất bản y học, 2019.
7. Giáo trình Vệ sinh phòng bệnh. Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhà xuất bản Y học 2018
8. Giáo trình vệ sinh môi trường và lao động Trường đại y dược Thái Nguyên 2012

## 5. Tên mô-đun: CHĂM SÓC MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP

Mã mô-đun: MĐ05

Thời gian thực hiện mô-đun: 45 giờ. (Lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí tính chất mô-đun

- **Vị trí:** Là mô-đun thứ 5 trong chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn bản
- **Tính chất:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, dấu hiệu, chăm sóc và phòng bệnh một số bệnh thường gặp.

### II. Mục tiêu mô-đun

#### \* Kiến thức:

- Nêu được các nguyên nhân, dấu hiệu chính và sớm để phát hiện bệnh thường gặp.

#### \* Kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức để chăm sóc bệnh thông thường cho người bệnh tại nhà.
- Hướng dẫn người bệnh tự phòng bệnh, phát hiện và chăm sóc sức khỏe tại nhà.

#### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện thái độ cẩn thận, ân cần, chu đáo khi xử trí chăm sóc người bệnh và phối kết hợp tốt với nhân viên y tế trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng.

### III. Nội dung mô-đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1. Chăm sóc người bệnh sốt, cúm</b> A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỐT 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Tác hại của sốt 4. Chăm sóc người bị sốt tại nhà * Tình huống B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CÚM 1. Nguyên nhân và đường lây 2. Triệu chứng 3. Chăm sóc	4	1	3	
2	<b>Bài 2. Chăm sóc người bệnh sởi</b> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân, đường lây 3. Những người có nguy cơ mắc bệnh sởi 4. Các dấu hiệu, triệu chứng của bệnh sởi 5. Biến chứng của bệnh 6. Chăm sóc và theo dõi trẻ bị bệnh tại nhà	4	1	3	

	7. Cách phòng tránh bệnh				
3	<b>Bài 3. Chăm sóc người bệnh quai bị</b> 1. Nguyên nhân và đường lây 1.1 Nguyên nhân 1.2. Đường lây 2. Dấu hiệu sớm và chính 3. Biến chứng 4. Chăm sóc 5. Phòng bệnh	1	1		
4	<b>Bài 4. Chăm sóc người bệnh viêm da dị ứng, nổi mề đay, phát ban</b> A. VIÊM DA DỊ ỨNG 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dấu hiệu 4. Chăm sóc và phòng bệnh B. NỔI MÀY ĐAY 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dấu hiệu 4. Chăm sóc và phòng bệnh C. PHÁT BAN 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dấu hiệu 4. Chăm sóc và phòng bệnh	3	1	2	
5	<b>Bài 5. Chăm sóc người bệnh đau mắt đỏ</b> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Dấu hiệu 4. Chăm sóc và phòng bệnh	3	1	2	
6	<b>Bài 6. Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết</b> 1. Nguyên nhân và đường lây 1.1. Nguyên nhân 1.2. Đường lây 2. Dấu hiệu sớm và chính 3. Biến chứng 4. Chăm sóc 5. Phòng bệnh	1	1		
7	<b>Bài 7. Chăm sóc người bệnh chân-tay-miệng</b> 1. Đại cương	3	1	2	

	<p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Dấu hiệu</p> <p>4. Chăm sóc và phòng bệnh</p>				
8	<p><b>Bài 8. Chăm sóc người bệnh đau bụng</b></p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Chăm sóc và theo dõi</p>	1	1		
9	<p><b>Bài 9. Chăm sóc người bệnh viêm đường hô hấp trên</b></p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Dấu hiệu</p> <p>4. Viêm đường hô hấp trên cấp tính</p> <p>5. Viêm đường hô hấp trên mạn tính</p> <p>6. Phòng ngừa viêm đường hô hấp trên</p>	4	1	3	
10	<p><b>Bài 10. Chăm sóc người bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính</b></p> <p>A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH HEN PHẾ QUẢN</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Dấu hiệu</p> <p>4. Chăm sóc và phòng bệnh</p> <p>B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH PHỔI TẮC NGHẼN MẠN TÍNH</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Dấu hiệu</p> <p>4. Chăm sóc và phòng bệnh</p>	4	1	3	
11	<p><b>Bài 11. Chăm sóc người bệnh người cao tuổi và người bệnh tăng huyết áp</b></p> <p>A. CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI</p> <p>1. Đặc điểm cơ thể người già</p> <p>2. Đặc điểm bệnh lý</p> <p>3. Chăm sóc sức khỏe người già</p> <p>3.1. Chăm sóc về tinh thần</p> <p>3.2. Chế độ ăn uống</p> <p>3.3. Vệ sinh thân thể, giấc ngủ</p> <p>3.4. Tăng cường rèn luyện thân thể</p> <p>B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TĂNG HUYẾT ÁP</p>	4	1	3	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Định nghĩa</li> <li>2. Nguyên nhân</li> <li>3. Triệu chứng</li> <li>4. Phòng bệnh</li> <li>5. Chăm sóc</li> </ul>				
12	<p><b>Bài 12. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Định nghĩa</li> <li>2. Các yếu tố nguy cơ</li> <li>3. Triệu chứng lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> <li>3.1. Tiểu đường typ1 (đái đường thể phụ thuộc vào insulin).</li> <li>3.2. Tiểu đường typ 2 (đái đường thể không phụ thuộc vào insulin).</li> </ul> </li> <li>4. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường</li> </ul>	2	1	1	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	2	0	0	2
13	<p><b>Bài 13. Chăm sóc người bệnh tâm thần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm</li> <li>2. Nguyên nhân gây bệnh tâm thần</li> <li>3. Dấu hiệu chính <ul style="list-style-type: none"> <li>3.1. Bệnh tâm thần</li> <li>3.2. Con động kinh điển hình</li> </ul> </li> <li>4. Phòng bệnh và quản lý tại nhà <ul style="list-style-type: none"> <li>4.1. Bệnh tâm thần</li> <li>4.2. Con động kinh</li> <li>4.3. Xử trí cơn động kinh tại nhà</li> </ul> </li> </ul>	2	1	1	
14	<p><b>Bài 14. Chăm sóc người bệnh bị khuyết tật, tàn tật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đại cương</li> <li>2. Khái niệm người khuyết tật, tàn tật</li> <li>3. Phân loại người khuyết tật, tàn tật</li> <li>4. Hậu quả của khuyết tật, tàn tật <ul style="list-style-type: none"> <li>4.1. Với xã hội</li> <li>4.2. Với gia đình</li> <li>4.3. Đối với người tàn tật</li> </ul> </li> <li>5. Các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, tàn tật <ul style="list-style-type: none"> <li>5.1. Phòng ngừa khuyết tật (phòng ngừa cấp I)</li> <li>5.2. Phòng ngừa giảm chức năng (phòng ngừa cấp II)</li> </ul> </li> </ul>	2	1	1	
15	<b>Bài 15. Chăm sóc người bệnh ung thư</b>	5	1	4	

1. Khái niệm cơ bản về ung thư 2. Các yếu tố nguy cơ gây ung thư 3. Các biện pháp cụ thể trong phòng bệnh ung thư 3.1. Không hút thuốc lá 3.2. Thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và an toàn 3.3. Thực hành dinh dưỡng hợp lý 3.4. Tăng cường hoạt động thể lực 3.5. Giảm tiếp xúc với các chất độc hại và ô nhiễm môi trường 3.6. Sinh đẻ có kế hoạch và vệ sinh sinh dục 3.7. Tiêm chủng 3.8. Chống lạm dụng điều trị y tế 3.9. Chống nắng 3.10. Phòng bệnh thông qua tác động vào các yếu tố di truyền				
<b>Tổng số</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 1. Chăm sóc người bệnh sốt, cúm** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### \* Mục tiêu

1. Kể được nguyên nhân gây sốt, cúm.
2. Nêu tác hại của sốt và cách chăm sóc người bệnh sốt, cúm tại nhà.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh sốt, cúm tại nhà.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh sốt, cúm

### \* Nội dung

#### A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH SỐT

1. Định nghĩa
2. Phân loại
3. Tác hại của sốt
4. Chăm sóc người bị sốt tại nhà

#### B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH CÚM

1. Nguyên nhân và đường lây
2. Triệu chứng
3. Chăm sóc

**Bài 2. Chăm sóc người bệnh sởi** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### \* Mục tiêu

1. Kể được định nghĩa, nguyên nhân, đường lây, các dấu hiệu sớm và chính, các biến chứng chủ yếu của bệnh sởi.
2. Nêu được cách chăm sóc và các biện pháp theo dõi tại nhà.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh sởi tại nhà.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh sởi.

**\* Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân, đường lây
3. Những người có nguy cơ mắc bệnh sởi
4. Các dấu hiệu, triệu chứng của bệnh sởi
5. Biến chứng của bệnh
6. Chăm sóc và theo dõi trẻ bị bệnh tại nhà
7. Cách phòng tránh bệnh

**Bài 3. Chăm sóc người bệnh qua** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

**\* Mục tiêu**

1. Kể được nguyên nhân, đường lây, các dấu hiệu sớm và chính, các biến chứng chủ yếu của bệnh quai bị.
2. Nêu được cách chăm sóc và các biện pháp phòng bệnh quai bị.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh quai bị.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh quai bị.

**\* Nội dung**

1. Nguyên nhân và đường lây
  - 1.1. Nguyên nhân
  - 1.2. Đường lây
2. Dấu hiệu sớm và chính
3. Biến chứng
4. Chăm sóc
5. Phòng bệnh

**Bài 4. Chăm sóc người bệnh viêm da dị ứng, nổi mề đay, phát ban**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Nêu được định nghĩa nguyên nhân, đường lây, các dấu hiệu của bệnh viêm da dị ứng, nổi mề đay, phát ban
2. Nêu các biện pháp chăm sóc phòng bệnh viêm da dị ứng, nổi mề đay, phát ban.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh viêm da dị ứng, nổi mề đay, phát ban tại nhà.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh viêm da dị ứng, nổi mề đay, phát ban.

**\* Nội dung**

**A. VIÊM DA DỊ ỨNG**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

**B. NỔI MỀ ĐAY**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân



3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

\* Tình huống

### C. PHÁT BAN

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

**Bài 5: Chăm sóc người bệnh đau mắt đỏ** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

\* **Mục tiêu**

1. Nêu được định nghĩa, nguyên nhân, đường lây, dấu hiệu chủ yếu của bệnh đau mắt đỏ.
2. Nêu được cách chăm sóc và các biện pháp phòng bệnh đau mắt đỏ.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh đau mắt đỏ tại nhà.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh đau mắt đỏ.

\* **Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

**Bài 6. Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

\* **Mục tiêu**

1. Kể được nguyên nhân, đường lây, các dấu hiệu sớm và chính, các biến chứng chủ yếu của bệnh sốt xuất huyết.
2. Nêu được cách chăm sóc và các biện pháp phòng bệnh sốt xuất huyết.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh sốt xuất huyết
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết

\* **Nội dung**

1. Nguyên nhân và đường lây
  - 1.1. Nguyên nhân
  - 1.2. Đường lây
2. Dấu hiệu sớm và chính
3. Biến chứng
4. Chăm sóc
5. Phòng bệnh

**Bài 7. Chăm sóc người bệnh chân, tay, miệng**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

\* **Mục tiêu**

1. Nêu được nguyên nhân, đường lây, các dấu hiệu chủ yếu của bệnh chân - tay - miệng
2. Nêu được cách chăm sóc và các biện pháp phòng bệnh chân - tay - miệng
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh chân - tay - miệng tại nhà

4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh chân - tay - miệng

**\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

**Bài 8. Chăm sóc người bệnh đau bụng** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

**\* Mục tiêu**

1. Nêu được nguyên nhân, các dấu hiệu chủ yếu của đau bụng.
2. Nêu được chăm sóc và theo dõi người bệnh đau bụng.
3. Có thái độ tôn trọng khi chăm sóc người bệnh đau bụng.

**\* Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Chăm sóc và theo dõi

**Bài 9. Chăm sóc người bệnh viêm đường hô hấp trên**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân, dấu hiệu của viêm đường hô hấp trên
2. Trình bày các biện pháp phòng bệnh viêm đường hô hấp trên.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh viêm đường hô hấp trên
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh viêm đường hô hấp trên

**\* Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Viêm đường hô hấp trên cấp tính
5. Viêm đường hô hấp trên mạn tính
6. Phòng ngừa viêm đường hô hấp trên

**Bài 10. Chăm sóc người bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính**

(Thời gian: 1 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Nêu được nguyên nhân, đường lây, các dấu hiệu chủ yếu của bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
2. Nêu được cách chăm sóc và các biện pháp phòng bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính .
3. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

**\* Nội dung**

**A. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH HEN PHẾ QUẢN**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

\* **Tình huống**

#### **B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH PHỔI TẮC NGHỀN MẠN TÍNH**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Dấu hiệu
4. Chăm sóc và phòng bệnh

#### **Bài 11. Chăm sóc người cao tuổi và người bệnh tăng huyết áp**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

\* **Mục tiêu**

1. Trình bày đặc điểm cơ thể và đặc điểm bệnh lý của người già.
2. Trình bày cách chăm sóc sức khỏe của người già.
3. Trình bày được các yếu tố gây tăng huyết áp và triệu chứng tăng huyết áp.
4. Nêu cách phòng và chăm sóc người bệnh tăng huyết áp.
5. Vận dụng các kiến thức đã học để chăm sóc người già và người bệnh tăng huyết áp.
6. Có thái độ tôn trọng khi chăm sóc người già và người bệnh tăng huyết áp.

\* **Nội dung**

#### **A. CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI**

1. Đặc điểm cơ thể người già
2. Đặc điểm bệnh lý
3. Chăm sóc sức khỏe người già
  - 3.1. Chăm sóc về tinh thần
  - 3.2. Chế độ ăn uống
  - 3.3. Vệ sinh thân thể, giấc ngủ
  - 3.4. Tăng cường rèn luyện thân thể

#### **B. CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TĂNG HUYẾT ÁP**

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng
4. Phòng bệnh
5. Chăm sóc

#### **Bài 12. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

\* **Mục tiêu**

1. Trình bày, định nghĩa các yếu tố nguy cơ gây đái tháo đường.
2. Trình bày dấu hiệu và cách chăm sóc người bệnh đái tháo đường.
3. Vận dụng được kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh đái tháo đường tại nhà
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh đái tháo đường

\* **Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Các yếu tố nguy cơ
3. Triệu chứng lâm sàng
- 3.1. Tiểu đường typ1 (đái đường thể phụ thuộc vào insulin).
- 3.2. Tiểu đường typ 2 (đái đường thể không phụ thuộc vào insulin).
4. Chăm sóc người bệnh đái tháo đường

**Bài 13. Chăm sóc người bệnh tâm thần** (Thời gian: 01 giờ thuyết, 01 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Nêu được khái niệm, nguyên nhân, các dấu hiệu chính của bệnh tâm thần.
2. Nêu được cách quản lý và chăm sóc tại nhà .
3. Vận dụng được kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh tâm thần.

**\* Nội dung**

1. Khái niệm
2. Nguyên nhân gây bệnh tâm thần
3. Dấu hiệu chính
- 3.1. Bệnh tâm thần
- 3.2. Con động kinh điển hình
4. Phòng bệnh và quản lý tại nhà
- 4.1. Bệnh tâm thần
- 4.2. Con động kinh
- 4.3. Xử trí cơn động kinh tại nhà

**Bài 14. Chăm sóc người bệnh khuyết tật, tàn tật**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày khái niệm, phân loại và hậu quả của khuyết tật, tàn tật.
2. Nêu được các biện pháp phòng ngừa hậu quả của khuyết tật, tàn tật.
3. Vận dụng kiến thức đã học để chăm sóc người bệnh khuyết tật, tàn tật tại cộng đồng.
4. Có thái độ tôn trọng người bệnh khi chăm sóc người bệnh khuyết tật, tàn tật.

**\* Nội dung**

1. Đại cương
2. Khái niệm người khuyết tật, tàn tật
3. Phân loại người khuyết tật, tàn tật
4. Hậu quả của khuyết tật, tàn tật
- 4.1. Với xã hội
- 4.2. Với gia đình
- 4.3. Đối với người tàn tật
5. Các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, tàn tật
- 5.1. Phòng ngừa khuyết tật (phòng ngừa cấp I)
- 5.2. Phòng ngừa giảm chức năng (phòng ngừa cấp II)

**Bài 15. Chăm sóc người bệnh ung thư** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 05 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Trình bày khái niệm và các yếu tố nguy cơ gây bệnh ung thư.
2. Trình bày các biện pháp cụ thể trong phòng bệnh ung thư.
3. Vận dụng được kiến thức đã học để tư vấn hạn chế nguy cơ mắc bệnh ung thư
4. Có thái độ tôn trọng khi chăm sóc người bệnh ung thư.

**\* Nội dung**

1. Khái niệm cơ bản về ung thư
2. Các yếu tố nguy cơ gây ung thư
3. Các biện pháp cụ thể trong phòng bệnh ung thư
  - 3.1. Không hút thuốc lá
  - 3.2. Thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và an toàn
  - 3.3. Thực hành dinh dưỡng hợp lý
  - 3.4. Tăng cường hoạt động thể lực
  - 3.5. Giảm tiếp xúc với các chất độc hại và ô nhiễm môi trường
  - 3.6. Sinh đẻ có kế hoạch và vệ sinh sinh dục
  - 3.7. Tiêm chủng
  - 3.8. Chống lạm dụng điều trị y tế
  - 3.9. Chống nắng
  - 3.10. Phòng bệnh thông qua tác động vào các yếu tố di truyền

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:* Thực hiện một số kỹ năng tư vấn, chăm sóc theo dõi 1 số bệnh thông thường thường gặp.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin, có trách nhiệm, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với nhân viên y tế để thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

**2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên:* 01 điểm

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ:* 01 điểm

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun
- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi viết
- Thời gian: 60 phút

\* *Công thức tính điểm*

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

Điểm tổng kết mô-đun = TBKT \*0,4 + THI \*0,6

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực
- Thực hành: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành
- Tích hợp: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành của trường CDVP.

### **3. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ y tế, tài liệu đào tạo lại nhân viên y tế thôn bản, Nxb Y học, 2000
2. Bộ y tế, tài liệu đào tạo lại nhân viên y tế thôn bản, Nxb Y học, 2004.
3. Trần Chí Liêm, Sách hướng dẫn đào tạo lại nhân viên y tế thôn bản, Nxb Y học, 2009.
4. Bộ Y tế - Vụ KH&ĐT(2018), *Điều dưỡng ngoại khoa*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Bộ Y tế - Vụ KH&ĐT(2017), *chăm sóc sức khỏe tâm thần*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Chăm sóc sức khỏe ban đầu môn y học xã hội. Trường ĐH Y khoa Huế, năm 2002.
7. Ngô Huy Hoàng (2019): *Điều dưỡng nội khoa*, NXB Y học.
8. Trường đại học Điều dưỡng Nam Định (2014), *Giáo trình điều dưỡng truyền nhiễm*.

**6. Tên mô đun: CHĂM SÓC SỨC KHỎE BÀ MẸ, TRẺ EM VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH**

**Mã mô-đun: MD06**

**Thời gian thực hiện mô -đun:** 45 giờ. (*Lý thuyết: 15giờ; Thực hành, tích hợp, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ*)

**I. Vị trí tính chất mô - đun:**

- **Vị trí:** Là mô-đun học thứ 6 trong chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn, bản.
- **Tính chất:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe của bà mẹ -trẻ em và kế hoạch hóa gia đình

**II. Mục tiêu mô - đun**

**\* Kiến thức**

- Trình bày được sự thụ thai, các dấu hiệu thai nghén, tính được tuổi thai và dự kiến ngày sinh.

**\* Kỹ năng**

- Hướng dẫn vệ sinh và chăm sóc sản phụ trong quá trình mang thai ,vận động phụ nữ có thai đi khám và đăng ký theo dõi thai nghén.
- Hỗ trợ được đẻ rơi và đẻ thường khi sản phụ không kịp đến cơ sở y tế.
- Theo dõi, hướng dẫn chăm sóc mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà trong 6 tuần đầu sau đẻ.
- Hướng dẫn thực hiện kế hoạch hóa gia đình cho nhân dân.

**\* Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Thể hiện thái độ khẩn trương, nghiêm túc tận tình và phối kết hợp tốt với nhân viên y tế trong khi chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhân dân.

**III. Nội dung môn học:**

**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p><b>Bài 1. Đại cương về sức khỏe sinh sản</b></p> <p>1.Khái niệm sức khỏe sinh sản</p> <p>2. Nội dung của sức khỏe sinh sản</p> <p>2.1. Làm mẹ an toàn</p> <p>2.2. Kế hoạch hóa gia đình</p> <p>2.3. Phá thai an toàn</p> <p>2.4. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên</p> <p>2.5. Phòng các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản.</p> <p>2.6. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục.</p> <p>2.7. Phòng ung thư vú và ung thư sinh dục</p> <p>2.8. Vô sinh</p> <p>2. 9. Sức khỏe tình dục và giáo dục về tình dục</p> <p>2.10. Thông tin giáo dục truyền thông về sức</p>	4	4	0	

	khỏe sinh sản				
2	<p><b>Bài 2. Sự thụ thai và phát triển của thai</b></p> <p>1. Các định nghĩa</p> <p>1.1. Thụ tinh</p> <p>1.2. Di chuyển của trứng</p> <p>1.3. Làm tổ</p> <p>1.4. Phát triển của trứng</p> <p>2. Hiện tượng thụ tinh, di chuyển, làm tổ, và phát triển của trứng</p> <p>2.1. Hiện tượng thụ tinh</p> <p>2.2. Hiện tượng di chuyển của trứng</p> <p>2.3. Hiện tượng làm tổ của trứng</p> <p>2.4. Sự phát triển của trứng thành phôi và thành thai nhi</p> <p>2.3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức</p> <p>2.3.1.1. Sự hình thành bào thai</p> <p>2.3.1.2. Sự hình thành các phần phụ của thai</p> <p>2.3.2. Thời kỳ hoàn chỉnh tổ chức</p>	4	4	0	
3	<p><b>Bài 3. Quản lý thai nghén</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Đăng ký thai nghén</p> <p>3. Quản lý thai nghén</p> <p>4. Tư vấn cho phụ nữ có thai</p> <p>4.1. Tư vấn về chế độ ăn</p> <p>4.2. Tư vấn chế độ nghỉ ngơi</p> <p>4.3. Người đang mang thai hoặc đang cho con bú nên tránh</p> <p>4.4. Tư vấn về nuôi con bằng sữa mẹ và bú mẹ</p> <p>4.5. Chuẩn bị cho việc sinh đẻ</p>	4	1	3	
4	<p><b>Bài 4. Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi, chăm sóc chuyển dạ</b></p> <p>1. Nội dung</p> <p>2. Đại cương</p> <p>3. Định nghĩa chuyển dạ</p> <p>3. Những dấu hiệu của chuyển dạ (<i>khuyến đi khám tuyến trên</i>)</p> <p>3.1. Dấu hiệu cơ năng</p> <p>3.2.1. Con co tử cung</p> <p>3.2.3. Thành lập ối</p> <p>4. Các giai đoạn của cuộc chuyển dạ</p> <p>4.1. Giai đoạn mở cổ tử cung (giai đoạn 1)</p> <p>4.2. Giai đoạn sổ thai (giai đoạn 2)</p>	4	1	3	



	<p>4.3. Giai đoạn sơ rau (giai đoạn 3)</p> <p>5. Các trường hợp chuyển dạ không bình thường (<i>khuyến đi khám tuyến trên</i>)</p> <p>5.1. Kế hoạch chăm sóc</p> <p>5.2. Giảm mệt mỏi và lo lắng (nếu có)</p> <p>5.3. Vệ sinh thân thể, bộ phận sinh dục tại phòng chờ đẻ.</p> <p>5.4. Theo dõi cuộc chuyển dạ</p> <p>6. Đánh giá</p>				
5	<p><b>Bài 5. Xử trí đẻ rơi tại cộng đồng</b></p> <p>I. Đỡ đẻ rơi tại nhà</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Đỡ đẻ đúng lúc và đúng cách</p> <p>2.1. Đỡ đẻ đúng lúc</p> <p>2.2. Đỡ đẻ đúng cách</p> <p>3. Phương tiện chuẩn bị cho cuộc đỡ đẻ</p> <p>3.1. Chuẩn bị dụng cụ cho cuộc đỡ đẻ</p> <p>3.2. Chuẩn bị gói đỡ đẻ sạch</p> <p>3.3. Chuẩn bị cho sản phụ</p> <p>3.4. Chuẩn bị người hộ sinh</p> <p>4. Quy trình và kỹ thuật đỡ đẻ</p> <p>5. Theo dõi sau đẻ</p> <p>II. Đẻ rơi ở đồng ruộng</p> <p>III. Đẻ rơi trên đường, trên tàu, xe</p>	4	1	3	
6	<p><b>Bài 6. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Những đặc điểm sinh lý của trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời</p> <p>3. Đánh giá trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời bằng chỉ số Apgar</p> <p>4. Trình tự các bước chăm sóc sơ sinh ngay sau khi chào đời</p> <p>4.1. Hút (lau) dịch miệng</p> <p>4.2. Cắt rốn</p> <p>4.3. Đặt nằm, lau khô, ủ ấm</p> <p>4.4. Làm rốn (không dùng lại hộp đã cắt rốn)</p> <p>4.5. Quan sát phát hiện dị tật nếu có</p> <p>4.6. Mặc áo, đội mũ, quấn tã lót</p> <p>4.7. Cân, đo chiều cao</p> <p>4.8. Nhỏ mắt</p> <p>4.9. Tiêm phòng lao, phòng viêm gan B...</p>	4	1	3	

	4.10. Trao bé cho gia đình				
7	<b>Bài 7. Chăm sóc sản phụ sau đẻ</b> 1. Định nghĩa 2. Các biểu hiện lâm sàng trong thời kỳ hậu sản 2.1. Ổ vú 2.2. Ổ tử cung 2.3. Sản dịch 2.4. Ổ cổ tử cung - âm đạo 2.5. Tầng sinh môn 2.6. Đại tiện, tiểu tiện 3. Kế hoạch chăm sóc bà mẹ những ngày sau đẻ 3.1. Nhận định 3.2. Lập kế hoạch chăm sóc 3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc 3.4. Đánh giá	4	1	3	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	2	0	0	2
8	<b>Bài 8. Phát hiện sớm trẻ thiếu máu và suy dinh dưỡng ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi</b> 1.Đại cương 2. Đánh giá lâm sàng 2.1.Đánh giá suy dinh dưỡng 2.1.1.Gây mòn nặng rõ rệt 2.1.2.Phù cả hai bàn chân 2.1.3 Cân nặng so với tuổi 2.2.Đánh giá thiếu máu 3. Phân loại tình trạng suy dinh dưỡng và thiếu máu 3.1.Trẻ suy dinh dưỡng nặng hoặc thiếu máu nặng 3.3.Trẻ không thiếu máu và không nhẹ cân	3	0	3	
9	<b>Bài 9. Nuôi con bằng sữa mẹ</b> 1.Đại cương 2. Những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ 3. Những nguyên tắc cơ bản về nuôi con bằng sữa mẹ 4. Hướng dẫn kỹ thuật cho con bú 4.1. Cách ôm con 4.2. Cho con bú trong một số trường hợp đặc biệt 5. Cách xử trí những vấn đề xảy ra muộn ở vú 5.1. Tác ồng dẫn sữa 5.2. Đau nứt núm vú 5.3. Viêm vú, áp xe vú 6. Những trường hợp không nên cho bú mẹ	4	1	3	

10	<b>Bài 10. Các biện pháp tránh thai</b> 1. Dụng cụ tránh thai trong tử cung (DCTC) 1.1. Cơ chế tác dụng của DCTC 1.2. Chỉ định 1.3. Chống chỉ định 1.4. Quy trình thực hiện 2. Bao cao su 2.1. Cơ chế tác dụng 2.2. Chỉ định 2.2. Chống chỉ định 2.3. Cách sử dụng và bảo quản 3. Viên thuốc tránh thai kết hợp 3.1. Cơ chế tác dụng 3.2. Chỉ định 3.3. Chống chỉ định 3.4. Quy trình thực hiện 4. Viên thuốc tránh thai chỉ có Progestin 4.1. Cơ chế tác dụng 4.2. Chỉ định 4.3. Chống chỉ định 4.4. Quy trình thực hiện 5. Một số biện pháp tránh thai khác 5.1. Biện pháp tránh thai khẩn cấp 5.2. Thuốc tiêm tránh thai 5.3. Thuốc cấy tránh thai 5.4. Triệt sản 5.5. Các biện pháp tránh thai truyền thống (tự nhiên)	4	1	3	
11	<b>Bài 11. Lập danh sách, vận động, theo dõi bà mẹ, trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng</b> 1. Đại cương 1.1. Tiêm chủng phòng bệnh 1.2. Lợi ích của tiêm chủng 2. Chỉ định và chống chỉ định tiêm chủng 3. Lịch tiêm chủng cho trẻ em và bà mẹ có thai 4. Lập danh sách 5. Hỗ trợ một buổi tiêm chủng tại địa phương	4	0	4	
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>02</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 1. Đại cương sức khỏe sinh sản** (Thời gian: 04 giờ lý thuyết)

### \*Mục tiêu

1. Định nghĩa được sức khỏe sinh sản.
2. Trình bày được các biện pháp chăm sóc khỏe sinh sản.

3. Nêu được 10 nội dung của sức khỏe sinh sản trong chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản của Việt Nam.

**\*Nội dung**

1. Khái niệm sức khỏe sinh sản.
2. Nội dung của sức khỏe sinh sản
  - 2.1. Làm mẹ an toàn
  - 2.2. Kế hoạch hóa gia đình
  - 2.3. Phá thai an toàn
  - 2.4. Giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên
  - 2.5. Phòng các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản
  - 2.6. Phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục
  - 2.7. Phòng ung thư vú và ung thư sinh dục
  - 2.8. Vô sinh
  - 2.9. Sức khỏe tình dục và giáo dục về tình dục
  - 2.10. Thông tin giáo dục truyền thông về sức khỏe sinh sản

**Bài 2. Sự thụ thai và phát triển của thai** (Thời gian: 04 giờ lý thuyết)

**\*Mục tiêu**

1. Trình bày được định nghĩa thụ tinh, di chuyển, làm tổ và phát triển của trứng.
2. Mô tả được hiện tượng thụ tinh, di chuyển, làm tổ và phát triển của trứng

**\*Nội dung**

1. Các định nghĩa
  - 1.1. Thụ tinh
  - 1.2. Di chuyển của trứng
  - 1.3. Làm tổ
  - 1.4. Phát triển của trứng
2. Hiện tượng thụ tinh, di chuyển, làm tổ, và phát triển của trứng
  - 2.1. Hiện tượng thụ tinh
  - 2.2. Hiện tượng di chuyển của trứng
  - 2.3. Hiện tượng làm tổ của trứng
  - 2.4. Sự phát triển của trứng thành phôi và thành thai nhi
    - 2.3.1. Thời kỳ sắp xếp tổ chức
      - 2.3.1.1. Sự hình thành bào thai
      - 2.3.1.2. Sự hình thành các phần phụ của thai
    - 2.3.2. Thời kỳ hoàn chỉnh tổ chức

**Bài 3. Quản lý thai nghén** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

1. Trình bày được các công việc cần làm để quản lý thai cho các sản phụ ở thôn, bản.
2. Thực hiện được các nội dung cần tư vấn cho phụ nữ có thai tại thôn, bản.

**\*Nội dung**

1. Đại cương
2. Đăng ký thai nghén

3. Quản lý thai nghén
4. Tư vấn cho phụ nữ có thai
  - 4.1. Tư vấn về chế độ ăn
  - 4.2. Tư vấn chế độ nghỉ ngơi
  - 4.3. Người đang mang thai hoặc đang cho con bú nên tránh
  - 4.4. Tư vấn về nuôi con bằng sữa mẹ và bú mẹ
  - 4.5. Chuẩn bị cho việc sinh đẻ

#### **Bài 4. Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi, chăm sóc chuyển dạ**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

##### **\*Mục tiêu**

1. Trình bày được định nghĩa chuyển dạ, dấu hiệu cơ năng, dấu hiệu thực thể và ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ.
2. Kể được 10 trường hợp chuyển dạ không bình thường.
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc thai phụ trong chuyển dạ.
4. Thể hiện thái độ thận trọng, chính xác, khẩn trương, ân cần khi chăm sóc sản phụ trong chuyển dạ.

##### **\*Nội dung**

1. Đại cương
2. Định nghĩa chuyển dạ
3. Những dấu hiệu của chuyển dạ (*khuyến đi khám tuyến trên*)
  - 3.1. Dấu hiệu cơ năng
    - 3.2.1. Cơ co tử cung
    - 3.2.3. Thành lập ối
4. Các giai đoạn của cuộc chuyển dạ
  - 4.1. Giai đoạn mở cổ tử cung (giai đoạn 1)
  - 4.2. Giai đoạn sổ thai (giai đoạn 2)
  - 4.3. Giai đoạn sổ rau (giai đoạn 3)
5. Các trường hợp chuyển dạ không bình thường (*khuyến đi khám tuyến trên*)
  - 5.1. Kế hoạch chăm sóc
  - 5.2. Giám mệt mỏi và lo lắng (nếu có)
  - 5.3. Vệ sinh thân thể, bộ phận sinh dục tại phòng chờ đẻ.
  - 5.4. Theo dõi cuộc chuyển dạ
6. Đánh giá

#### **Bài 5. Xử trí đẻ rơi tại cộng đồng** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

##### **\*Mục tiêu**

1. Nêu được các nguyên tắc trong đỡ đẻ thường.
2. Trình bày được các phương tiện chuẩn bị đỡ đẻ thường
3. Thực hành được và đúng các thao tác trong đỡ đẻ.

##### **\*Nội dung**

- I. Đỡ đẻ rơi tại nhà
  1. Đại cương

2. Đỡ đẻ đúng lúc và đúng cách
    - 2.1. Đỡ đẻ đúng lúc
    - 2.2. Đỡ đẻ đúng cách
  3. Phương tiện chuẩn bị cho cuộc đỡ đẻ
    - 3.1. Chuẩn bị dụng cụ cho cuộc đỡ đẻ
    - 3.2. Chuẩn bị gói đỡ đẻ sạch
    - 3.3. Chuẩn bị cho sản phụ
    - 3.4. Chuẩn bị người hộ sinh
  4. Quy trình và kỹ thuật đỡ đẻ
  5. Theo dõi sau đẻ
- II. Đẻ rơi tại cộng đồng
- III. Đẻ rơi trên đường, trên tàu, xe

### **Bài 6. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

#### **\*Mục tiêu**

1. Trình bày được 8 đặc điểm sinh lý của sơ sinh đủ tháng.
2. Đánh giá được tình trạng trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời bằng chỉ số Apgar.
3. Kể được trình tự 10 bước chăm sóc sơ sinh ngay sau khi chào đời.
4. Thể hiện thái độ khẩn trương, chính xác, an toàn, nhẹ nhàng, vô khuẩn khi chăm sóc trẻ sơ sinh ngay khi chào đời.

#### **\*Nội dung**

1. Đại cương
2. Những đặc điểm sinh lý của trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời
3. Đánh giá trẻ sơ sinh ngay sau khi chào đời bằng chỉ số Apgar
4. Trình tự các bước chăm sóc sơ sinh ngay sau khi chào đời
  - 4.1. Hút (lau) dịch miệng
  - 4.2. Cắt rốn
  - 4.3. Đặt nằm, lau khô, ủ ấm
  - 4.4. Làm rốn (không dùng lại hộp đã cắt rốn)
  - 4.5. Quan sát phát hiện dị tật nếu có
  - 4.6. Mặc áo, đội mũ, quấn tã lót
  - 4.7. Cân, đo chiều cao
  - 4.8. Nhỏ mắt
  - 4.9. Tiêm phòng lao, phòng viêm gan B...
  - 4.10. Trao bé cho gia đình

### **Bài 7. Chăm sóc sản phụ sau đẻ** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

#### **\*Mục tiêu**

1. Trình bày được các biểu hiện sinh lý của bà mẹ ở thời kỳ sau đẻ và mục đích các chăm sóc thời kỳ sau đẻ.
2. Mô tả các công việc cần chăm sóc và theo dõi cho bà mẹ sau đẻ.
3. Kể được 7 biến cố dễ gặp ở sản phụ trong thời kỳ sau đẻ.

#### **\*Nội dung**

1. Định nghĩa
2. Các biểu hiện lâm sàng trong thời kỳ hậu sản
  - 2.1. Ổ vú
  - 2.2. Ổ tử cung
  - 2.3. Sản dịch
  - 2.4. Ổ cổ tử cung - âm đạo
  - 2.5. Tầng sinh môn
  - 2.6. Đại tiện, tiểu tiện
3. Kế hoạch chăm sóc bà mẹ những ngày sau đẻ
  - 3.1. Nhận định
  - 3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
  - 3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
  - 3.4. Đánh giá

### **Bài 8. Phát hiện sớm trẻ thiếu máu và suy dinh dưỡng ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

#### ***\*Mục tiêu***

1. Phát hiện và đánh giá được tình trạng thiếu máu, suy dinh dưỡng ở trẻ 2 tháng đến 5 tuổi.
2. Phân loại được thiếu máu và suy dinh dưỡng theo IMCI

#### ***\*Nội dung***

1. Đại cương
2. Đánh giá lâm sàng
  - 2.1. Đánh giá suy dinh dưỡng
    - 2.1.1. Gầy mòn nặng rõ rệt
    - 2.1.2. Phù cả hai bàn chân
    - 2.1.3. Cân nặng so với tuổi
  - 2.2. Đánh giá thiếu máu
3. Phân loại tình trạng suy dinh dưỡng và thiếu máu
  - 3.1. Trẻ suy dinh dưỡng nặng hoặc thiếu máu nặng
  - 3.3. Trẻ không thiếu máu và không nhẹ cân

### **Bài 9. Nuôi con bằng sữa mẹ** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

#### ***\*Mục tiêu***

1. Kể được 6 lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.
2. Hướng dẫn được cho bà mẹ các kỹ thuật nuôi con bằng sữa mẹ.

#### ***\*Nội dung***

1. Đại cương
2. Những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ
3. Những nguyên tắc cơ bản về nuôi con bằng sữa mẹ
4. Hướng dẫn kỹ thuật cho con bú
  - 4.1. Cách ôm con
  - 4.2. Cho con bú trong một số trường hợp đặc biệt

5. Cách xử trí những vấn đề xảy ra muộn ở vú

5.1. Tắc ống dẫn sữa

5.2. Đau nứt núm vú

5.3. Viêm vú, áp xe vú

6. Những trường hợp không nên cho bú mẹ

**Bài 10. Các biện pháp tránh thai** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

1. Kể được các biện pháp tránh thai hiện đang được áp dụng ở Việt Nam

2. Trình bày được thuận lợi, không thuận của các biện pháp tránh thai.

3. Hướng dẫn được khách hàng lựa chọn một biện pháp tránh thai thích hợp

**\*Nội dung**

1. Dụng cụ tránh thai trong tử cung (DCTC)

1.1. Cơ chế tác dụng của DCTC

1.2. Chỉ định

1.3. Chống chỉ định

1.4. Quy trình thực hiện

1.4.1. Thăm khám đánh giá trước khi áp dụng biện pháp

1.4.2. Thời điểm đặt dụng cụ tử cung

2. Bao cao su

2.1. Cơ chế tác dụng

2.2. Chỉ định

2.2. Chống chỉ định

2.3. Cách sử dụng và bảo quản:

3. Viên thuốc tránh thai kết hợp:

3.1. Cơ chế tác dụng

3.2. Chỉ định

3.3. Chống chỉ định

3.4. Quy trình thực hiện

3.4.1. Thăm khám đánh giá trước khi áp dụng biện pháp

3.4.2. Thời điểm sử dụng thuốc

3.4.3. Cách sử dụng thuốc

3.4.4. Xử trí khi quên thuốc hay bị nôn, chậm kinh

4. Viên thuốc tránh thai chỉ có Progestin:

4.1. Cơ chế tác dụng

4.2. Chỉ định

4.3. Chống chỉ định

4.4. Quy trình thực hiện

4.3.1. Thăm khám đánh giá trước khi áp dụng biện pháp:

4.3.2. Thời điểm sử dụng thuốc

4.3.3. Cách sử dụng thuốc

4.3.4. Xử trí khi quên thuốc

5. Một số biện pháp tránh thai khác



- 5.1. Biện pháp tránh thai khẩn cấp:
  - 5.1.1. Viên thuốc tránh thai khẩn cấp chỉ có Progestin
  - 5.1.2. Viên thuốc tránh thai kết hợp:
  - 5.1.3. Đặt dụng cụ tử cung khẩn cấp:
- 5.2. Thuốc tiêm tránh thai:
- 5.3. Thuốc cấy tránh thai:
- 5.4. Triệt sản
- 5.5. Các biện pháp tránh thai truyền thống (tự nhiên)

**Bài 11. Lập danh sách, vận động, theo dõi bà mẹ, trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng**  
(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

- 1. Kể được 3 lợi ích của tiêm chủng.
- 2. Kể được 2 chỉ định và 2 chống chỉ định và phản ứng của tiêm chủng.
- 3. Thực hiện được việc lập danh sách, vận động, theo dõi trẻ em trong độ tuổi. tiêm chủng, bà mẹ có thai, đi tiêm chủng lần đầu, đủ liều theo quy định.

**\*Nội dung**

- 1. Đại cương
  - 1.1. Tiêm chủng phòng bệnh
  - 1.2. Lợi ích của tiêm chủng
- 2. Chỉ định và chống chỉ định tiêm chủng
- 3. Lịch tiêm chủng cho trẻ em và bà mẹ có thai
- 4. Lập danh sách
- 5. Hỗ trợ một buổi tiêm chủng tại địa phương

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:* Thực hiện một số kỹ thuật đơn giản để chăm sóc và hỗ trợ nhân viên y tế trong chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ - trẻ em và kế hóa gia đình.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với nhân viên y tế để thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc cho bà mẹ - trẻ em và kế hóa gia đình.

**2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi viết
- Thời gian: 60 phút

\* Công thức tính điểm

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô-đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: Đạt yêu cầu

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực.
- Thực hành: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành.
- Tích hợp: Thực hiện tại phòng học thực hành của trường cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **3. Tài liệu tham khảo:**

1. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ trong kỳ thai nghén, Nhà xuất bản y học 2005.
2. Chăm sóc bà mẹ trong khi đẻ, Nhà xuất bản y học 2018.
3. Chăm sóc bà mẹ sau khi đẻ, Nhà xuất bản y học 2017.
4. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, Nhà xuất bản y học 2016.
5. Điều dưỡng sản phụ khoa, Nhà xuất bản y học 2018.
6. Dân số kế hoạch hoá gia đình, Nhà xuất bản y học 2019.
7. Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - Bộ y tế - năm 2019.

## 7. Tên mô đun: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã mô đun: MD07

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ. (Lý thuyết: 8 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 20 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí tính chất mô đun:

- **Vị trí:** Là môn học thứ 7 trong chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn bản
- **Tính chất:** Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của trẻ, nguyên nhân, dấu hiệu nhận biết và cách chăm sóc bệnh thông thường hay gặp ở trẻ nhỏ

### II. Mục tiêu mô đun

#### \* Kiến thức

1. Trình bày sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và vận động của trẻ em.
2. Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu chính và cách phòng một số bệnh ở trẻ em.

#### \* Kỹ năng

1. Tư vấn và phát hiện sớm các dấu hiệu chính của một số bệnh ở trẻ em, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời.
2. Hướng dẫn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ cách chăm sóc để phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi.
3. Tuyên truyền, vận động và hỗ trợ công tác tiêm chủng mở rộng.

#### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thái độ khẩn trương, nghiêm túc, tận tình và phối kết hợp tốt với nhân viên y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1. Sự phát triển về thể chất, tâm thần và vận động của trẻ em</b> I. Sự phát triển về cân nặng 1.1. Cân nặng của trẻ mới đẻ 1.2. Cân nặng của trẻ trong năm đầu 1.3. Cân nặng của trẻ trên 1 tuổi 2. Sự phát triển về chiều cao 2.1. Chiều cao của trẻ mới đẻ 2.2. Chiều cao của trẻ dưới 1 tuổi 2.3. Chiều cao của trẻ trên 1 tuổi 3. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay 3.2. Vòng ngực	4	2	2	

	<p>3.3. Vòng cánh tay</p> <p>4. Một số chỉ số khác</p> <p>4.1. Thóp</p> <p>4.2. Răng</p> <p>5. Tỷ lệ các phần cơ thể</p> <p>6.1. Các yếu tố nội sinh (những yếu tố bên trong cơ thể)</p> <p>6.2. Các yếu tố ngoại sinh (những yếu tố bên ngoài cơ thể)</p> <p>7. Biểu đồ tăng trưởng</p> <p>7.1. Tác dụng của biểu đồ tăng trưởng</p> <p>7.2. Cấu tạo của biểu đồ tăng trưởng</p> <p>7.3. Tiến hành cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng</p> <p>II. Sự phát triển và vận động của trẻ</p> <p>1. Trẻ sơ sinh</p> <p>2. Trẻ 2 tháng tuổi</p> <p>3. Trẻ 3 tháng tuổi</p> <p>4. Trẻ 4 tháng tuổi</p> <p>5. Trẻ 5 tháng tuổi</p> <p>6. Trẻ 6 tháng tuổi</p> <p>7. Trẻ 7 - 9 tháng tuổi</p> <p>8. Trẻ 10 - 12 tháng tuổi</p> <p>9. Trẻ 18 tháng tuổi</p> <p>10. Trẻ 2 - 3 tuổi</p> <p>11. Trẻ 4 - 6 tuổi</p> <p>12. Trẻ 7 - 15 tuổi</p>				
2	<p><b>Bài 2. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại nhà</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Phát hiện 11 dấu hiệu nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính chủ yếu ở trẻ em tại nhà</p> <p>2.1. Tìm dấu hiệu trẻ bú kém hoặc không uống được</p> <p>2.1.1. Đối với trẻ dưới 2 tháng tuổi</p> <p>2.1.2. Đối với trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi</p> <p>2.2. Tìm tiếng thở rít</p>	4	1	3	

	<p>2.3. Tìm tiếng thở khò khè</p> <p>2.4. Tìm dấu hiệu ngũ li bì khó đánh thức</p> <p>2.5. Trẻ có co giật không?</p> <p>2.6. Hỏi bà mẹ xem trẻ có sốt không và đo nhiệt độ cho trẻ</p> <p>2.7. Cân trẻ để tìm suy dinh dưỡng nặng</p> <p>2.8. Tìm dấu hiệu rút lõm lồng ngực</p> <p>2.9. Tìm dấu hiệu thở nhanh</p> <p>2.10. Hỏi bà mẹ xem trẻ có ho không ?Ho mấy ngày rồi?</p> <p>2.11. Tìm xem trẻ có vấn đề ở tai không? Tìm dấu hiệu sưng đau sau tai, chảy mủ tai</p> <p>3. Chăm sóc trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại nhà</p> <p>3.1. Tiếp tục cho trẻ bú mẹ và ăn bổ sung đầy đủ</p> <p>3.2. Cho trẻ uống nước thường xuyên hơn</p> <p>3.3. Cho trẻ nằm nơi thoáng, ấm khi trời lạnh và mát khi trời nóng</p> <p>3.4. Theo dõi trẻ thường xuyên</p> <p>3.5. Nếu trẻ ho ở mức độ vừa phải</p> <p>3.6. Nếu trẻ ngứa mũi, chảy mũi nước</p> <p>3.7. Nếu trẻ bị chảy mủ tai trên 14 ngày</p> <p>3.8. Nếu trẻ sốt, làm hạn chế độ cho trẻ</p> <p>4. Phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính</p>				
3	<p><b>Bài 3. Đánh giá, phân loại và chăm sóc sốt ở trẻ em</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Định nghĩa</p> <p>2.1. Sốt</p> <p>2.2. Hạ thân nhiệt</p> <p>3. Đo nhiệt độ cơ thể</p> <p>3.1. Chuẩn bị dụng cụ</p> <p>3.2. Chuẩn bị bệnh nhân</p> <p>3.3. Tiến hành</p> <p>4. Đánh giá một trẻ sốt</p>	4	1	3	

	<p>4.1.Những điều cần ghi nhớ về dấu hiệu sốt ở trẻ em</p> <p>4.2.Kỹ năng phát hiện dấu hiệu sốt</p> <p>4.2.1.Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và sờ trẻ để phát hiện tré sốt</p> <p>4.3.Đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh</p> <p>4.3.1.Đánh giá</p> <p>4.3.2.Phân loại sốt</p> <p>4.3.3.Xử trí bệnh</p>				
4	<p><b>Bài 4. Dinh dưỡng trẻ em</b></p> <p>1.Đại cương</p> <p>1.1. Sự bài tiết sữa</p> <p>1.1.1. Cơ chế bài tiết sữa</p> <p>1.1.2. Những yếu tố hỗ trợ cho sự bài tiết sữa</p> <p>2. Những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>2.1. Sữa mẹ là chất dinh dưỡng hoàn hảo, dễ tiêu hoá và dễ hấp thu</p> <p>2.1.1. Protein</p> <p>2.1.2. Lipid</p> <p>2.1.3. Lactose</p> <p>2.1.4. Vitamin</p> <p>2.1.5. Muối khoáng</p> <p>2.2. Sữa mẹ có các chất kháng khuẩn</p> <p>2.3. Sữa mẹ có tác dụng chống dị ứng</p> <p>2.4. Gắn bó tình cảm mẹ con</p> <p>2.5. Bú mẹ có tác dụng bảo vệ sức khoẻ cho bà mẹ và là điều kiện tốt để thực hiện kế hoạch hóa gia đình</p> <p>2.6. Bú mẹ là cách nuôi con đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện và ít tốn kém</p> <p>3. Bảo vệ nguồn sữa mẹ</p> <p>3.1. Chăm sóc hai bầu vú mẹ</p> <p>3.2. Đảm bảo dinh dưỡng cho người mẹ khi mang thai và cho con bú</p> <p>3.3. Lao động hợp lý</p>	4	1	3	

	<p>3.4. Không sử dụng thuốc tùy tiện</p> <p>3.5. Không để sữa ứ đọng trong vú</p> <p>3.6. Thoải mái, vui vẻ khi cho con bú</p> <p>3.7. Không nặn vú quá chặt</p> <p>4. Nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>4.1. Cách cho con bú</p> <p>4.2. Chế độ ăn của trẻ trong thời kỳ bú mẹ</p> <p>5. Ăn nhân tạo</p> <p>5.1. Các loại thức ăn thay thế sữa mẹ (sữa thay thế)</p> <p>5.1.1. Các loại sữa bò đã được chế biến sẵn cho trẻ em</p> <p>5.1.2. Các loại thức ăn thay thế sữa mẹ được pha chế từ sữa bò tươi, sữa bò bột hoặc sữa bò đặc</p> <p>5.2. Cách pha các loại sữa thay thế từ sữa bò tươi, sữa đặc, sữa bột</p> <p>6. Ăn hỗn hợp</p> <p>7. Ăn bổ sung</p> <p>7.1. Các loại thức ăn bổ sung</p> <p>7.1. 1. Thức ăn cơ bản</p> <p>7.1.2. Thức ăn cung cấp Protein</p> <p>7.1.3. Thức ăn cung cấp năng lượng</p> <p>7.1.4. Thức ăn cung cấp Vitamin và muối khoáng</p> <p>7.2. Cách cho ăn bổ sung</p>				
5	<p><b>Bài 5. Đánh giá, phân loại, chăm sóc tiêu chảy ở trẻ 2 tháng đến 5 tuổi</b></p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Đánh giá tiêu chảy</p> <p>2.1. Hỏi bệnh</p> <p>2.2. Phát hiện dấu hiệu mất nước</p> <p>2.3. Dấu hiệu khá nước hoặc không thể uống được</p> <p>2.4. Nếp vé o da bụng</p> <p>3. Phân loại tiêu chảy</p> <p>3.1. Phân loại mức độ mất nước</p>	4	1	3	

	<p>3.1.1.Mất nước nặng</p> <p>3.1.2. Có mất nước</p> <p>3.1.3. Không mất nước</p> <p>3.2. Tiêu chảy kéo dài</p> <p>3.3. Ly</p> <p>4. Xử trí</p> <p>4.1.Uống thêm dịch để phòng mất nước</p> <p>4.1.1.Khuyên bà mẹ</p> <p>4.1.2.Hướng dẫn bà mẹ cách pha oresol</p> <p>4.1.3.Hướng dẫn bà mẹ cách cho uống dung dịch oresol</p> <p>4.2.Tiếp cho trẻ bú sữa mẹ và ăn như bình thường</p> <p>4.3.Đưa trẻ đến khám ngay nếu trẻ có 1 hoặc nhiều các dấu hiệu sau</p> <p>4.4.Hướng dẫn mẹ chăm sóc và phòng bệnh tiêu chảy</p>				
6	<p><b>Bài 6. Đánh giá, chăm sóc trẻ bị bệnh từ 1 tuần đến 2 tháng tuổi</b></p> <p>1.Đại cương</p> <p>2.Cách kiểm tra khả năng nhiễm khuẩn ở trẻ nhỏ</p> <p>3. Kiểm tra vấn đề nuôi dưỡng</p> <p>4. Tham vấn cho bà mẹ</p> <p>4.1.Hướng dẫn cách dùng thuốc uống</p> <p>4.2.Điều trị nhiễm khuẩn tại chỗ</p> <p>4.3.Tham vấn về các vấn đề bú mẹ</p> <p>4.3.1.Hướng dẫn tư thế bế trẻ khi cho bú</p> <p>4.3.2.Hướng dẫn cho bà mẹ giúp trẻ ngậm bắt vú</p> <p>4.3.3.Quan sát dấu hiệu ngậm bắt vú tốt và bú có hiệu quả</p> <p>4.4.Tiêm chủng</p>	4	1	3	
	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	2	0	0	2
7	<p><b>Bài 7. Đánh giá phân loại và chăm sóc các tình trạng nặng ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi</b></p> <p>1.Đại cương</p>	4	1	3	



<p>2.Những điều cần ghi nhớ về dấu hiệu nguy hiểm toàn thân</p> <p>2.1.Đối với tất cả trẻ bệnh</p> <p>2.2.Kiểm tra dấu hiệu nguy hiểm toàn thân</p> <p>2.3.Những dấu hiệu nguy hiểm toàn thân</p> <p>3. Kỹ năng phát hiện 4 dấu hiệu nguy hiểm toàn thân chính</p> <p>3.1.Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và nhìn trẻ để phát hiện trẻ không uống, không bú được</p> <p>3.2.Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và nhìn trẻ để phát hiện trẻ có nôn tất cả mọi thứ không?</p> <p>3.3.Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và nhìn xem trẻ có bị co giật không?</p> <p>3.4.Nhân viên y tế thôn, bản nhìn xem trẻ có li bì hoặc khó đánh thức không?</p> <p>4. Đánh giá, phân loại, và chăm sóc các tình trạng nặng</p> <p>4.1.Đánh giá</p> <p>4.2.Phân loại</p> <p>4.2.1.Phân loại tùy theo các triệu chứng chính</p> <p>4.2.2.Hỏi và khám tìm các dấu hiệu</p> <p>4.3. Chăm sóc các tình trạng nặng</p> <p>4.3.1.Xác định điều trị trước khi chuyển gấp</p> <p>4.3.2.Xác định chăm sóc</p>				
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>30</b>	<b>8</b>	<b>20</b>	<b>2</b>

## **2. Nội dung chi tiết**

### **Bài 1. Sự phát triển về thể chất, tâm thần và vận động của trẻ em**

(Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

#### **\*Mục tiêu**

1. Trình bày được cách tính chiều cao, cân nặng, các chỉ số trung bình vòng đầu, vòng cánh tay của trẻ em.
2. Trình bày được cấu tạo, cách tiến hành và đánh giá sức khỏe trẻ em thông qua biểu đồ tăng trưởng.

3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất, tâm thần và vận động của trẻ.
4. So sánh được sự phát triển bình thường và không bình thường về tâm thần và vận động của trẻ theo từng lứa tuổi.
5. Vận dụng được những kiến thức trong bài vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ em cho phù hợp với từng lứa tuổi.

**\*Nội dung**

I. Sự phát triển về cân nặng

- 1.1. Cân nặng của trẻ mới đẻ
- 1.2. Cân nặng của trẻ trong năm đầu
- 1.3. Cân nặng của trẻ trên 1 tuổi
2. Sự phát triển về chiều cao
  - 2.1. Chiều cao của trẻ mới đẻ
  - 2.2. Chiều cao của trẻ dưới 1 tuổi
  - 2.3. Chiều cao của trẻ trên 1 tuổi
3. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay
  - 3.2. Vòng ngực
  - 3.3. Vòng cánh tay
4. Một số chỉ số khác
  - 4.1. Thóp
  - 4.2. Răng
5. Tỷ lệ các phần cơ thể
  - 6.1. Các yếu tố nội sinh (những yếu tố bên trong cơ thể)
  - 6.2. Các yếu tố ngoại sinh (những yếu tố bên ngoài cơ thể)
7. Biểu đồ tăng trưởng
  - 7.1. Tác dụng của biểu đồ tăng trưởng
  - 7.2. Cấu tạo của biểu đồ tăng trưởng
  - 7.3. Tiến hành cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng

II. Sự phát triển và vận động của trẻ

1. Trẻ sơ sinh
2. Trẻ 2 tháng tuổi gian ngủ của trẻ giảm dần
3. Trẻ 3 tháng tuổi
4. Trẻ 4 tháng tuổi
5. Trẻ 5 tháng tuổi
6. Trẻ 6 tháng tuổi
7. Trẻ 7 - 9 tháng tuổi
8. Trẻ 10 - 12 tháng tuổi
9. Trẻ 18 tháng tuổi
10. Trẻ 2 - 3 tuổi
11. Trẻ 4 - 6 tuổi
12. Trẻ 7 - 15 tuổi

**Bài 2. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại nhà**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu.**

1. Phát hiện được 11 dấu hiệu nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính chủ yếu tại nhà.
2. Hướng dẫn được các bà mẹ thực hiện 8 biện pháp chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại nhà.
3. Hướng dẫn được các bà mẹ các biện pháp phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.

**\*Nội dung**

1. Đại cương
2. Phát hiện 11 dấu hiệu nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính chủ yếu ở trẻ em tại nhà
  - 2.1. Tìm dấu hiệu trẻ bú kém hoặc không uống được
    - 2.1.1. Đối với trẻ dưới 2 tháng tuổi
    - 2.1.2. Đối với trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi
  - 2.2. Tìm tiếng thở rít
  - 2.3. Tìm tiếng thở khò khè
  - 2.4. Tìm dấu hiệu ngũ li bì khó đánh thức
  - 2.5. Trẻ có co giật không?
  - 2.6. Hỏi bà mẹ xem trẻ có sốt không và đo nhiệt độ cho trẻ
  - 2.7. Cân trẻ để tìm suy dinh dưỡng nặng
  - 2.8. Tìm dấu hiệu rút lõm lồng ngực
  - 2.9. Tìm dấu hiệu thở nhanh
  - 2.10. Hỏi bà mẹ xem trẻ có ho không? Ho mấy ngày rồi?
  - 2.11. Tìm xem trẻ có vấn đề ở tai không? Tìm dấu hiệu sưng đau sau tai, chảy mủ tai
3. Chăm sóc trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính tại nhà
  - 3.1. Tiếp tục cho trẻ bú mẹ và ăn bổ sung đầy đủ
  - 3.2. Cho trẻ uống nước thường xuyên hơn
  - 3.3. Cho trẻ nằm nơi thoáng, ấm khi trời lạnh và mát khi trời nóng
  - 3.4. Theo dõi trẻ thường xuyên
  - 3.5. Nếu trẻ ho ở mức độ vừa phải
  - 3.6. Nếu trẻ ngạt mũi, chảy mũi nước
  - 3.7. Nếu trẻ bị chảy mủ tai trên 14 ngày
  - 3.8. Nếu trẻ sốt, làm hạ nhiệt độ ho trẻ
4. Phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

**Bài 3. Đánh giá, phân loại và chăm sóc sốt ở trẻ em**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\* Mục tiêu**

1. Đo được nhiệt độ và phát hiện được nhiệt độ bất thường
2. Nêu được các nội dung đánh giá và phân loại sốt ở trẻ từ 2 tháng 5 tuổi.
3. Xử trí được sốt ở trẻ từ 2 tháng 5 tuổi

### ***\*Nội dung***

1. Đại cương
2. Định nghĩa
  - 2.1. Sốt
  - 2.2. Hạ thân nhiệt
3. Đo nhiệt độ cơ thể
  - 3.1. Chuẩn bị dụng cụ
  - 3.2. Chuẩn bị bệnh nhân
  - 3.3. Tiến hành
4. Đánh giá một trẻ sốt
  - 4.1. Những điều cần ghi nhớ về dấu hiệu sốt ở trẻ em
  - 4.2. Kỹ năng phát hiện dấu hiệu sốt
    - 4.2.1. Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và sờ trẻ để phát hiện trẻ sốt
  - 4.3. Đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh
    - 4.3.1. Đánh giá
    - 4.3.2. Phân loại sốt
    - 4.3.3. Xử trí bệnh

**Bài 4. Dinh dưỡng trẻ em** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### ***\*Mục tiêu***

1. Trình bày được định nghĩa bú mẹ, ăn nhân tạo, ăn hỗn hợp và ăn sam.
2. Trình bày được cơ chế bài tiết sữa, các yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết sữa, những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ và nêu được biện pháp bảo vệ nguồn sữa mẹ.
3. Trình bày được hình vuông thức ăn và các loại thức ăn thay thế sữa mẹ và cách pha chế.
4. Tư vấn tốt cho bà mẹ cách cho con bú, ăn nhân tạo và ăn hỗn hợp

### ***\*Nội dung***

1. Đại cương
  - 1.1. Sự bài tiết sữa
    - 1.1.1. Cơ chế bài tiết sữa
    - 1.1.2. Những yếu tố hỗ trợ cho sự bài tiết sữa
  2. Những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ
    - 2.1. Sữa mẹ là chất dinh dưỡng hoàn hảo, dễ tiêu hoá và dễ hấp thu
      - 2.1.1. Protein
      - 2.1.2. Lipid
      - 2.1.3. Lactose
      - 2.1.4. Vitamin

- 2.1.5. Muối khoáng
- 2.2. Sữa mẹ có các chất kháng khuẩn
- 2.3. Sữa mẹ có tác dụng chống dị ứng
- 2.4. Gắn bó tình cảm mẹ con
- 2.5. Bú mẹ có tác dụng bảo vệ sức khỏe cho bà mẹ và là điều kiện tốt để thực hiện kế hoạch hóa gia đình
- 2.6. Bú mẹ là cách nuôi con đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện và ít tốn kém
- 3. Bảo vệ nguồn sữa mẹ
  - 3.1. Chăm sóc hai bầu vú mẹ
  - 3.2. Đảm bảo dinh dưỡng cho người mẹ khi mang thai và cho con bú
  - 3.3. Lao động hợp lý
  - 3.4. Không sử dụng thuốc tùy tiện
  - 3.5. Không để sữa ứ đọng trong vú
  - 3.6. Thoải mái, vui vẻ khi cho con bú
  - 3.7. Không nặn vú quá chặt
- 4. Nuôi con bằng sữa mẹ
  - 4.1. Cách cho con bú
  - 4.2. Chế độ ăn của trẻ trong thời kỳ bú mẹ
- 5. Ăn nhân tạo
  - 5.1. Các loại thức ăn thay thế sữa mẹ (sữa thay thế)
    - 5.1.1. Các loại sữa bò đã được chế biến sẵn cho trẻ em
    - 5.1.2. Các loại thức ăn thay thế sữa mẹ được pha chế từ sữa bò tươi, sữa bò bột hoặc sữa bò đặc
  - 5.2. Cách pha các loại sữa thay thế từ sữa bò tươi, sữa đặc, sữa bột
- 6. Ăn hỗn hợp
- 7. Ăn bổ sung
  - 7.1. Các loại thức ăn bổ sung
    - 7.1.1. Thức ăn cơ bản
    - 7.1.2. Thức ăn cung cấp Protein
    - 7.1.3. Thức ăn cung cấp năng lượng
    - 7.1.4. Thức ăn cung cấp Vitamin và muối khoáng
  - 7.2. Cách cho ăn bổ sung

## **Bài 5. Đánh giá, phân loại, chăm sóc tiêu chảy ở trẻ 2 tháng đến 5 tuổi**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### **\*Mục tiêu**

- 1. Trình bày được các nội dung đánh giá và phân loại tiêu chảy.
- 2. Nêu được các nội dung xử trí ban đầu tiêu chảy một cách hợp lý

3. Hướng dẫn được bà mẹ chăm sóc và phòng bệnh tiêu chảy.

**\*Nội dung**

1.Đại cương

2. Đánh giá tiêu chảy

2.1.Hỏi bệnh

2.2.Phát hiện dấu hiệu mất nước

2.3.Dấu hiệu khát nước hoặc không thể uống được

2.4.Nếp véo da bụng

3. Phân loại tiêu chảy

3.1.Phân loại mức độ mất nước

3.1.1.Mất nước nặng

3.1.2. Có mất nước

3.1.3. Không mất nước

3.2. Tiêu chảy kéo dài

3.3. Lỵ

4. Xử trí

4.1.Uống thêm dịch để phòng mất nước

4.1.1.Khuyên bà mẹ

4.1.2.Hướng dẫn bà mẹ cách pha oresol

4.1.3.Hướng dẫn bà mẹ cách cho uống dung dịch oresol

4.2.Tiếp tục cho trẻ bú sữa mẹ và ăn như bình thường

4.3.Đưa trẻ đến khám ngay nếu trẻ có 1 hoặc nhiều các dấu hiệu sau

4.4.Hướng dẫn mẹ chăm sóc và phòng bệnh tiêu chảy

**Bài 6. Đánh giá, chăm sóc trẻ bệnh từ 1 tuần đến 2 tháng tuổi**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

1. Trình bày được cách kiểm tra khả năng nhiễm khuẩn ở trẻ nhỏ.

2. Nêu được các nội dung kiểm tra vấn đề nuôi dưỡng hoặc nhẹ cân.

3. Hướng dẫn cho bà mẹ cách uống thuốc, dinh dưỡng và chăm sóc nhiễm trùng tại chỗ.

**\*Nội dung**

1.Đại cương

2. Cách kiểm tra khả năng nhiễm khuẩn ở trẻ nhỏ

3. Kiểm tra vấn đề nuôi dưỡng

4. Tham vấn cho bà mẹ

4.1.Hướng dẫn cách dùng thuốc uống

- 4.2. Điều trị nhiễm khuẩn tại chỗ
- 4.3. Tham vấn về các vấn đề bú mẹ
  - 4.3.1. Hướng dẫn tư thế bế trẻ khi cho bú
  - 4.3.2. Hướng dẫn cho bà mẹ giúp trẻ ngậm bắt vú
  - 4.3.3. Quan sát dấu hiệu ngậm bắt vú tốt và bú có hiệu quả
- 4.4. Tiêm chủng

## **Bài 7. Đánh giá phân loại và chăm sóc các tình trạng nặng ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

### ***\*Mục tiêu***

1. Nêu được các dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, các kỹ năng phát hiện các dấu hiệu đó.
2. Đánh giá, phân loại và chăm sóc được các tình trạng nặng ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi.

### ***\*Nội dung***

1. Đại cương
2. Những điều cần ghi nhớ về dấu hiệu nguy hiểm toàn thân
  - 2.1. Đối với tất cả trẻ bệnh
  - 2.2. Kiểm tra dấu hiệu nguy hiểm toàn thân
  - 2.3. Những dấu hiệu nguy hiểm toàn thân
3. Kỹ năng phát hiện 4 dấu hiệu nguy hiểm toàn thân chính
  - 3.1. Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và nhìn trẻ để phát hiện trẻ không uống hoặc không bú được.
  - 3.2. Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và nhìn trẻ để phát hiện trẻ có nôn tất cả mọi thứ không?
  - 3.3. Nhân viên y tế thôn, bản hỏi bà mẹ và nhìn xem trẻ có bị co giật không?
  - 3.4. Nhân viên y tế thôn, bản nhìn xem trẻ có li bì hoặc khó đánh thức không?
4. Đánh giá, phân loại, và chăm sóc các tình trạng nặng
  - 4.1. Đánh giá
  - 4.2. Phân loại
    - 4.2.1. Phân loại tùy theo các triệu chứng chính
    - 4.2.2. Hỏi và khám tìm các dấu hiệu
  - 4.3. Chăm sóc các tình trạng nặng
    - 4.3.1. Xác định điều trị trước khi chuyển gấp
    - 4.3.2. Xác định chăm sóc

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### ***1. Nội dung***

*\* Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng*: Thực hiện một số kỹ thuật đơn giản trong tư vấn, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tại cộng đồng

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt nhân viên y tế vào thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.

## **2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun
- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi viết
- Thời gian: 60 phút

\* *Công thức tính điểm*

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô-đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun**

- Tích hợp: Thực hiện tại phòng học thực hành của trường cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **3. Tài liệu tham khảo:**

1. Bài giảng nhi khoa tập 1,2, NXBY học, Hà Nội 2019.
2. Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em. Bộ Y tế - chương trình ARI 1994.
3. Bệnh tiêu chảy cấp và chương trình CDC, NXB Y học, Hà Nội 2019.
4. Tập bài giảng điều dưỡng nhi khoa, Bộ môn ĐD nhi, trường cao đẳng y Nam định, 2018.



5. Giáo trình Điều dưỡng Nhi,- NXB Y học, Hà Nội 2019.
6. Điều dưỡng Nhi, bộ môn Nhi , trường Đại học Y Hà Nội, 2019.

## 8. Tên mô-đun: CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ VÀ QUẢN LÝ Y TẾ THÔN BẢN

**Mã mô-đun: MĐ08**

**Thời gian thực hiện mô-đun:** 45 giờ. (*Lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 26 giờ; Kiểm tra: 04 giờ*)

### I. Vị trí tính chất mô-đun

- **Vị trí:** Là mô-đun thứ 8 của chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn bản.
- **Tính chất:** Chương trình y tế và quản lý y tế thôn bản là nội dung quan trọng của đào tạo nghề trình độ sơ cấp nhằm mục tiêu giúp người học hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, những công việc được làm, đơn vị chỉ đạo trực tiếp, đơn vị phối hợp trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

### II. Mục tiêu mô-đun

#### \* Kiến thức

- Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, kỹ thuật, nội dung chuyên môn được thực hiện tại y tế thôn, bản.
- Kể được tên một số thuốc thông thường tại trạm y tế, thuốc, dụng cụ y tế trong túi thuốc thôn bản.

#### \* Kỹ năng

- Vận dụng kiến thức đã học vào công tác quản lý, tư vấn, chăm sóc sức khỏe ban đầu và biết cách sử dụng thuốc nam có sẵn tại gia đình để chăm sóc sức khỏe.
- Thực hiện xoa bóp, bấm huyệt, xông hơi, đánh cảm cho người ốm ỉa chảy, bệnh thông.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, báo cáo, quản lý sức khỏe người dân của nhân viên y tế thôn, bản.

#### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, thái độ gần gũi với cộng đồng, độc lập tự chủ, khoa học trong thực hiện nhiệm vụ và khả năng phối hợp tốt với trạm y tế trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

### III. Nội dung mô-đun

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô-đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

1	<p><b>Bài 1. Chăm sóc sức khỏe ban đầu và Y tế thôn bản</b></p> <p>1.Chăm sóc sức khỏe ban đầu</p> <p>1.1. Khái niệm về sức khỏe</p> <p>1.2.Khái niệm về chăm sóc sức khỏe ban đầu</p> <p>1.3. Nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu</p> <p>2.Y tế thôn, bản</p> <p>2.1. Khái niệm về nhân viên y tế thôn bản</p> <p>2.2.Chức năng nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn bản</p>	2	2	0	
2	<p><b>Bài 2.Tổ chức, hoạt động của y tế cơ sở</b></p> <p>1.Tổ chức y tế cơ sở</p> <p>1.1.Khái niệm về y tế cơ sở</p> <p>1.2.Cơ cấu tổ chức y tế cơ sở</p> <p>2.Hoạt động của y tế cơ sở</p> <p>2.1 .Hình thức hoạt động</p> <p>2.2. Nâng cao chất lượng y tế cơ sở</p>	1	1	0	
3	<p><b>Bài 3. Quản lý và thực hiện các chương trình y tế</b></p> <p>1. Một số khái niệm</p> <p>1.1.Chương trình</p> <p>1.2.Chương trình y tế</p> <p>1.3.Quản lý y tế</p> <p>2.Ý nghĩa của các chương trình y tế</p> <p>2.1.Các chương trình y tế hiện nay</p> <p>2.2.Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế</p> <p>2.3.Chương trình y tế các cấp</p>	2	2	0	
4	<p><b>Bài 4. Thuốc thiết yếu và hướng dẫn sử dụng một số thuốc thông thường</b></p> <p>1.Đại cương về thuốc</p> <p>2.Những thuật ngữ đặc biệt khi dùng thuốc</p> <p>2.1.Tác dụng chính</p> <p>2.2.Tác dụng phụ</p> <p>2.3.Liều lượng</p> <p>2.4.Cách dùng</p> <p>2.5.Dạng bào chế</p> <p>2.6.Hạn dùng</p>	8	2	6	

	<p>3. Danh mục một số thuốc thiết yếu tại trạm y tế</p> <p>4. Hướng dẫn sử dụng một số thuốc thiết yếu</p> <p>4.1.1. Sản phẩm chứa sắt/ acid folic</p> <p>4.1.2. Sản phẩm phòng và điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ em</p> <p>4.1.3. Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm</p> <p>4.1.4. Thuốc chống dị ứng, thuốc giảm ho, long đờm</p> <p>4.1.5. Thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa, thuốc giun sán</p> <p>4.1.6. Thuốc kháng sinh</p> <p>4.1.7. Thuốc điều trị lao, sốt rét</p> <p>4.1.8. Thuốc tai- mũi- họng</p> <p>4.1.9. Thuốc an thần, gây ngủ</p> <p>5. An toàn khi sử dụng thuốc tại nhà</p>				
5	<p><b>Bài 5. Thuốc nam gia đình và áp dụng bài thuốc căn bản</b></p> <p>1. Danh mục, tác dụng, cách dùng một số cây thuốc nam chủ yếu dùng tại gia đình</p> <p>2. Cách lấy liều lượng thuốc nam</p> <p>3. Một số bài thuốc nam chủ yếu dùng tại gia đình</p> <p>4. Cách sắc thuốc</p>	8	2	6	
6	<p><b>Bài 6. Xông hơi và đánh cảm</b></p> <p>1. Xông hơi</p> <p>1.1. Trường hợp được xông hơi</p> <p>1.2. Trường hợp không được xông hơi</p> <p>1.3. Các loại lá xông</p> <p>1.4. Cách nấu nồi nước xông và xông hơi</p> <p>2. Đánh cảm</p> <p>2.1. Trường hợp được đánh cảm</p> <p>2.2. Trường hợp không được đánh cảm</p> <p>2.3. Cách đánh cảm</p>	8	2	6	
7	<p><b>Bài 7. Cạo gió, xoa bóp bấm huyệt bằng tay</b></p> <p>1. Cạo gió</p> <p>1.1. Trường hợp được cạo gió</p>	4	1	3	

	<p>1.2.Trường hợp không được cạo gió</p> <p>1.3.Cách cạo gió</p> <p>1.3.1.Vị trí cạo gió</p> <p>1.3.2.Vật để cạo gió</p> <p>1.3.3.Thao tác cạo gió</p> <p>2.Xoa bóp bấm huyệt</p> <p>2.1.Trường hợp được xoa bóp bấm huyệt</p> <p>2.2.Trường hợp không được xoa bóp bấm huyệt</p> <p>2.3.Cách xoa bóp bấm huyệt chữa</p> <p>2.3.1.Đau đầu</p> <p>2.3.2.Vẹo cổ cấp tính</p> <p>2.3.3.Đau lưng</p>				
8	<p><b>Bài 8. Ghi chép sổ sách và báo cáo</b></p> <p>1.Ghi chép</p> <p>1.1.Tại sao phải ghi chép</p> <p>1.2.Cách thu thập thông tin</p> <p>1.3.Các loại sổ và cách ghi chép</p> <p>2. Công tác báo cáo</p> <p>2.1. Báo cáo nhanh</p> <p>2.2.Báo cáo định kỳ</p> <p>3.Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, báo cáo, quản lý sức khỏe người dân tại thôn, bản</p>	6	2	4	
9	<p><b>Bài 9. Sử dụng và duy trì túi thuốc</b></p> <p>1. Khái niệm về túi thuốc y tế thôn, bản</p> <p>2. Những dụng cụ y tế và thuốc men thông thường trong túi thuốc</p> <p>2.1. Dụng cụ y tế trong túi thuốc</p> <p>2.2. Thuốc trong túi thuốc</p> <p>2.3. Sổ nhật ký</p> <p>3. Bảo quản duy trì túi thuốc</p>	2	1	1	
10	<b>Kiểm tra định kỳ</b>	4			4
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>45</b>	<b>15</b>	<b>26</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 1. Chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế thôn bản** (Thời gian: 02 giờ lý thuyết)

**\*Mục tiêu**

1. Nêu được khái niệm về sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
2. Trình bày được khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản.
3. Thể hiện thái độ tích cực trong học tập để vận dụng kiến thức đã học vào thực hiện nhiệm vụ.

**\*Nội dung**

1. Chăm sóc sức khỏe ban đầu
  - 1.1. Khái niệm về sức khỏe
  - 1.2. Khái niệm về chăm sóc sức khỏe ban đầu
  - 1.3. Nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu
2. Y tế thôn, bản
  - 2.1. Khái niệm về nhân viên y tế thôn, bản
  - 2.2. Chức năng nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản.

**Bài 2. Tổ chức, hoạt động của y tế cơ sở** (Thời gian: 01 giờ lý thuyết)

**\*Mục tiêu**

1. Nêu được khái niệm, cơ cấu tổ chức của y tế cơ sở.
2. Trình bày được các hình thức hoạt động của y tế cơ sở, nội dung nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở.
3. Vận dụng kiến thức để phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ.

**\*Nội dung**

1. Tổ chức y tế cơ sở
  - 1.1. Khái niệm về y tế cơ sở
  - 1.2. Cơ cấu tổ chức y tế cơ sở
2. Hoạt động của y tế cơ sở
  - 2.1. Hình thức hoạt động
  - 2.2. Nâng cao chất lượng y tế cơ sở

**Bài 3. Quản lý y tế và thực hiện các chương trình y tế** (Thời gian: 02 giờ lý thuyết)

**\*Mục tiêu**

1. Nêu được khái niệm, nội dung và ý nghĩa của các chương trình y tế.
2. Phối hợp quản lý, thực hiện được các chương trình y tế tại thôn, bản.
3. Vận dụng kiến thức đã học vào thực hiện nhiệm vụ tại thôn, bản.

**\*Nội dung**

1. Một số khái niệm
  - 1.1. Chương trình
  - 1.2. Chương trình y tế
  - 1.3. Quản lý y tế
2. Ý nghĩa của các chương trình y tế
3. Các chương trình y tế hiện nay

3.1. Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế

3.2. Chương trình y tế các cấp

#### **Bài 4. Thuốc thiết yếu và sử dụng thuốc**

(Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 06 giờ thực hành)

##### **\*Mục tiêu**

1. Trình bày được khái niệm về thuốc, các thuật ngữ đặc biệt khi dùng thuốc.
2. Kể tên một số thuốc thiết yếu tại trạm y tế.
3. Trình bày được các lưu ý sử dụng thuốc an toàn tại nhà.
4. Hỗ trợ trạm y tế cấp phát và hướng dẫn sử dụng một số thuốc thiết yếu khi có chỉ định và hướng dẫn của trạm y tế.

##### **\*Nội dung**

1. Đại cương
2. Những thuật ngữ đặc biệt khi dùng thuốc
  - 2.1. Tác dụng chính
  - 2.2. Tác dụng phụ
  - 2.3. Liều lượng
  - 2.4. Cách dùng
  - 2.5. Dạng bào chế
  - 2.6. Hạn dùng
3. Danh mục thuốc thiết yếu tại trạm y tế.
  - 4.1. Sản phẩm chứa sắt/ acid folic
  - 4.2. Sản phẩm phòng và điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ em
  - 4.3. Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm
  - 4.4. Thuốc chống dị ứng, thuốc giảm ho, long đờm
  - 4.5. Thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa, thuốc giun sán
  - 4.6. Thuốc kháng sinh
  - 4.7. Thuốc điều trị lao, sốt rét
  - 4.8. Thuốc tai- mũi- họng
  - 4.9. Thuốc an thần, gây ngủ
5. An toàn khi sử dụng thuốc tại nhà

#### **Bài 5. Thuốc nam gia đình và áp dụng bài thuốc căn bản**

(Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 06 giờ thực hành)

##### **\*Mục tiêu**

1. Kể được tên, tác dụng, cách dùng một số cây thuốc nam chủ yếu dùng tại gia đình trong danh mục của bộ y tế.
2. Trình bày được cách lấy liều lượng các loại thuốc nam chữa bệnh thông thường.

3. Hướng dẫn người dân tại thôn, bản phát triển và sử dụng cây thuốc nam để phòng và chữa một số triệu chứng, bệnh thông thường.

**\*Nội dung**

1. Danh mục, tác dụng, cách dùng một số cây thuốc nam chủ yếu dùng tại gia đình.
2. Hướng dẫn cách lấy liều lượng cây thuốc nam.
3. Một số bài thuốc nam chủ yếu dùng tại gia đình.
4. Cách sắc thuốc.

**Bài 6. Xông hơi và đánh cảm** (Thời gian: 02 giờ lý thuyết; 06 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

1. Trình bày được các trường hợp được và không được xông hơi, đánh cảm.
2. Chuẩn bị được một nồi lá xông hơi.
3. Tiến hành thực hiện xông hơi, đánh cảm an toàn, đúng cách.

**\*Nội dung**

1. Xông hơi
  - 1.1. Trường hợp được xông hơi
  - 1.2. Trường hợp không được xông hơi
  - 1.3. Các loại lá xông
  - 1.4. Cách nấu nồi nước xông và xông hơi
2. Đánh cảm
  - 2.1. Trường hợp được đánh cảm
  - 2.2. Trường hợp không được đánh cảm
  - 2.3. Cách đánh cảm

**Bài 7. Cạo gió, xoa bóp bấm huyệt bằng tay**

(Thời gian: 01 giờ lý thuyết, 03 giờ thực hành)

**\*Mục tiêu**

1. Trình bày được trường hợp được, không được cạo gió, xoa bóp bấm huyệt.
2. Chuẩn bị và thực hiện được thao tác cạo gió, xoa bóp bấm huyệt cho người bệnh.

**2. Nội dung**

1. Cạo gió
  - 1.1. Trường hợp được cạo gió
  - 1.2. Trường hợp không được cạo gió
  - 1.3. Cách cạo gió
    - 1.3.1. Vị trí cạo gió
    - 1.3.2. Vật để cạo gió
    - 1.3.3. Thao tác cạo gió
2. Xoa bóp bấm huyệt
  - 2.1. Trường hợp được xoa bóp bấm huyệt



2.2. Trường hợp không được xoa bóp bấm huyệt

2.3. Cách xoa bóp bấm huyệt chữa

2.3.1.Đau đầu

2.3.2. Vẹo cổ cấp tính

2.3.3. Đau lưng

## **Bài 8. Ghi chép sổ sách và báo cáo**

(Thời gian: 02 giờ lý thuyết, 04 giờ thực hành)

### **\*Mục tiêu**

1. Giải thích được tại sao phải ghi chép sổ sách, báo cáo
2. Ghi chép được đầy đủ, rõ ràng các thông tin vào sổ sách, báo cáo.
3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, báo cáo, quản lý sức khỏe người dân tại thôn, bản.

### **\*Nội dung**

1. Ghi chép

1.1. Tại sao phải ghi chép

1.2. Cách thu thập thông tin

1.3. Các loại sổ và cách ghi chép

2. Công tác báo cáo

2.1. Báo cáo nhanh

2.2. Báo cáo định kỳ

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, báo cáo, quản lý sức khỏe người dân tại thôn, bản

## **Bài 9. Sử dụng và duy trì túi thuốc**

(Thời gian:01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

### **\*Mục tiêu**

1. Kể tên và mô tả cách dùng các dụng cụ y tế và thuốc có trong túi thuốc.
2. Giữ gìn và bảo quản túi thuốc để sử dụng được lâu dài.

### **\*Nội dung**

1. Khái niệm về túi thuốc y tế thôn, bản

2. Những dụng cụ y tế và thuốc men thông thường trong túi thuốc

2.1. Dụng cụ y tế trong túi thuốc

2.2. Thuốc trong túi thuốc

2.3.Sổ nhật ký

3.Bảo quản duy trì túi thuốc

## **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết; phòng học thực hành; vườn thuốc nam.

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu đào tạo Nhân viên y tế thôn bản; phấn, bảng, bút, vở ghi chép; cây thuốc, thuốc, mẫu phiếu báo cáo,.
4. Các điều kiện khác.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:*

- Thực hiện một số kỹ thuật đơn giản để điều trị bệnh thông thường không dùng thuốc;
- Chọn và hướng dẫn tác dụng cách dùng một số cây thuốc nam; hướng dẫn sử dụng một số thuốc thiết yếu tại trạm y tế;
- Quản lý, ghi chép, viết báo cáo các chương trình y tế tại thôn, bản.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với giảng viên, người học hoàn thành các nhiệm vụ học tập áp dụng vào thực hiện nhiệm vụ của Nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

### **2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra viết có thời gian làm bài từ 30 đến 45

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun
- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết, 80% giờ thực hành
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi viết
- Thời gian: 60 phút

\* *Công thức tính điểm*

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô - đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

-Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

-Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân

-Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:**

- Lý thuyết: Thực hiện phương pháp dạy học tích cực

- Thực hành/tích hợp: Thực hiện tại giảng đường, phòng học thực hành; vườn thuốc nam của trường cao đẳng Vĩnh Phúc.

### **3. Tài liệu tham khảo:**

1. Ban Chấp hành Trung ương (2002), *Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 22/01/2002 của Ban Bí thư về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.*

2. Ban chấp hành Trung ương (2023), *Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới.*

3. Bộ y tế (2015), *Thông tư 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn.*

4. Bộ y tế (2021), *Thông tư 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/ 2021 về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.*

5. Bộ Y tế (2012), *Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.*

6. Bộ Y tế (2023), *Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản.*

7. Bộ y tế (2014), Quyết định 4664/QĐ-BYT ngày 7/11/2014, Ban hành bộ tranh cây thuốc mẫu sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền.

8. Bộ y tế, tài liệu đào tạo lại nhân viên y tế thôn bản, Nxb Y học, 2004.

9. Đàm Khải Hoàn (2017), Giáo trình “*Khoa học hành vi và giáo dục nâng cao sức khỏe*”, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

10. Thực hành y học gia đình trong chăm sóc ban đầu, Nxb Y học, 2018

11. Trần Chí Liêm, Sách hướng dẫn đào tạo lại nhân viên y tế thôn bản, Nxb Y học, 2009.

12. Trường Đại học y Hà Nội, Dược lý học lâm sàng, Nxb Y học, 2004.

## 9. Tên mô-đun: THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG

Mã mô-đun: MD09

Thời gian thực hiện mô-đun: 45 giờ. (Thực hành: 41 giờ; Kiểm tra: 04giờ)

### I. Vị trí tính chất mô-đun:

- *Vị trí:* Là mô-đun thứ 09, thực hành tại tuyến y tế xã.
- *Tính chất:* Giúp người học thực tập vận dụng có thực tế các kiến thức đã học của các mô-đun trước đó để thực hiện chăm sóc sức khỏe và nâng cao sức khỏe cho con người tại cộng đồng.

### II. Mục tiêu mô-đun

#### \* Kiến thức

- Nêu các lợi ích của việc giữ gìn nguồn nước và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Trình bày được các nguyên tắc khi tiến hành sơ cứu người bị nạn tại cộng đồng.

#### \* Kỹ năng

- Rèn luyện một số kỹ năng tuyên truyền giáo dục sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh và sơ cứu tại cộng đồng.
- Liên hệ và áp dụng thích hợp khi trở về địa phương

#### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động và phối kết hợp với nhân viên y tế tuyến xã trong việc tuyên truyền giáo dục giáo dục sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh và sơ cứu tại cộng đồng.

### III. Nội dung mô-đun:

#### Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên các bài trong mô-đun	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Thăm gia đình	8	0	8	
2	Thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm	4	0	4	
3	Khuyến bảo thực hiện KHHGD	4	0	4	
4	Giúp đỡ người khuyết tật, tàn tật	4	0	4	
5	Thực hành ở sạch	4	0	4	
6	Thực hành giải quyết nước sạch	8	0	8	
	Kiểm tra định kỳ	4	0	0	4
7	Thực hành cấp cứu tại cộng đồng	9	0	9	
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>45</b>	<b>0</b>	<b>41</b>	<b>4</b>

### IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

#### 1. Nội dung

- \* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng*: Thực hiện được kỹ năng tuyên truyền giáo dục sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh, an toàn thực phẩm, kế hoạch hóa gia đình, phòng suy dinh dưỡng trẻ em và sơ cứu tại cộng đồng.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với giảng viên, người học hoàn thành các nhiệm vụ học tập áp dụng vào thực hiện nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

## **2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun
- Tham dự ít nhất 80% giờ thực hành
- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên.
- Hình thức kiểm tra: thi thực hành hoặc viết báo cáo

\* *Công thức tính điểm*

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô-đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu.

## **V. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:**

- Thực hành: Thực hiện tại các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
- Học viên đi 2 khối: Nội - Nhi, Ngoại - Sản. Thời gian: 45 giờ/ 1 khối.

## 10. Tên mô-đun: THỰC TẬP BỆNH VIỆN

Mã mô-đun: MD10

Thời gian thực hiện mô-đun: 90 giờ. (Thực hành: 86 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

### I. Vị trí tính chất mô-đun:

- **Vị trí:** là mô-đun thứ 10, đi thực hành trực tiếp tại các trung tâm y tế
- **Tính chất:** Giúp người học thực tập vận dụng có thực tế các kiến thức đã học của các mô-đun trước đó để hỗ trợ thực hiện chăm sóc sức khỏe và nâng cao sức khỏe cho người ở tuyến y tế cơ sở.

### II. Mục tiêu mô-đun

#### \* Kiến thức

- Nói được các nguyên tắc của đo DHST và nguyên tắc của vận chuyển người bệnh.

- Nêu được lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.

#### \* Kỹ năng

- Rèn luyện một số kỹ năng theo dõi dấu hiệu sinh tồn, vận chuyển người bệnh và chăm sóc những nội dung cơ bản cho người bệnh.

- Liên hệ và áp dụng thích hợp khi trở về địa phương.

#### \* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động, tự tin, có trách nhiệm trong công việc và phối kết hợp với nhân viên y tế trong việc hỗ trợ chăm sóc người bệnh.

### III. Nội dung mô-đun:

#### Chỉ tiêu tay nghề cho thực tập tại bệnh viện:

STT	NỘI DUNG	KIẾN TẬP	PHỤ	TỰ LÀM
1	Phát thuốc, cho bệnh nhân uống thuốc	5	3	5
2	Đo mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở	5	3	2
3	Chườm nóng, chườm lạnh	5	3	2
4	Chăm sóc, theo dõi người bệnh nặng, hôn mê	5	3	
5	Hướng dẫn và phụ giúp người nhà vệ sinh cá nhân cho người bệnh	5	3	2
6	Làm sạch dụng cụ để vô khuẩn, tiệt khuẩn	5	3	1
7	Áp dụng tư thế trị liệu trên từng loại bệnh	5	3	2
8	Vận chuyển bệnh nhân	5	5	5
9	Cân trẻ	5	3	2
10	Pha ORS	5	3	2
11	Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ - Tư thế cho trẻ bú đúng.	5	3	2

12	Hướng dẫn cách pha sữa khi mẹ thiếu sữa	5	3	2
13	Hướng dẫn bà mẹ cho trẻ ăn sam	5	3	2
14	Đếm nhịp thở ở trẻ dưới 5 tuổi	5	3	2
15	Nhận biết dấu hiệu rút lõm lồng ngực.	5	3	2
16	Thay băng, rửa vết thương	5	2	0
17	Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân bỏng	5	2	
18	Theo dõi và chăm sóc BN sau bó bột	5	2	
19	Chăm sóc BN hậu phẫu, BN nằm lâu	5	5	2
20	Hướng dẫn bệnh nhân tập vận động sau mổ	5	3	2
21	Chuẩn bị quần áo, tã lót đón trẻ	5	5	2
22	Tắm trẻ	5	5	1
23	Quan sát, đánh giá trẻ bú sữa mẹ	5	5	2
24	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	5	5	3
25	Tư vấn tư thế cho trẻ bú đúng	10	10	5
26	Đỡ đẻ thường	5	3	
27	Theo dõi, chăm sóc sản phụ sau đẻ thường	5	3	
28	Theo dõi, chăm sóc sản phụ sau nạo thai	5	3	
29	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	5	3	1

#### **IV. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung**

\* *Về kiến thức:* Các nội dung trong mô-đun.

\* *Về kỹ năng:* Thực hiện được kỹ năng tuyên truyền giáo dục sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh và sơ cứu tại cộng đồng.

\* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự tin, chủ động và có khả năng phối hợp tốt với giảng viên, người học hoàn thành các nhiệm vụ học tập áp dụng vào thực hiện nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

##### **2. Phương pháp**

\* *Kiểm tra thường xuyên: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học, chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

\* *Kiểm tra định kỳ: 01 điểm*

Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra thực hành

\* *Thi kết thúc mô-đun*

- Điều kiện học viên được dự thi kết thúc mô-đun

- Tham dự ít nhất 80% giờ thực hành

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên

- Hình thức kiểm tra: thi thực hành hoặc viết báo cáo

\* Công thức tính điểm

$$TBKT = (KTTX + KTĐK * 2) / 3$$

$$\text{Điểm tổng kết mô - đun} = TBKT * 0,4 + THI * 0,6$$

- Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi kết thúc môn học chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm mô-đun được làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm mô-đun đạt từ 5.0 trở lên: đạt yêu cầu

## **V. Hướng dẫn thực hiện mô-đun**

**1. Phạm vi áp dụng mô-đun:** Sử dụng để giảng dạy cho trình độ sơ cấp Nhân viên Y tế thôn, bản của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

Thực hành: Thực hiện tại các trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.